

QUẢNG THANH LƯƠNG TRUYỆN

QUYỂN HẠ

- 19- Sự tích chư Tăng cao đức (tiếp theo).
- 20- Sự tích chư Ni cao đức.
- 21- Các điều linh dị mà các hàng tăng tục ở thời Nam Tống trông thấy.
- 22- Cây lữ linh dị.
- 23- Các bài tán tụng xưa nay về Đại Thánh Văn-thù-sư-lợi.

19. SỰ TÍCH CHƯ TĂNG CAO ĐỨC (Tiếp Theo).

Sa-môn Thích Gia Phước, vốn người dòng họ Niếp ở Nhạn Môn, Đại Quận. Năm bảy tuổi đến chùa Tổng nhân thuộc bản châu cầu xin xuất gia, năm mười lăm tuổi thọ giới cụ túc. Về sau đến ở vọng đài Thanh Lương hơn 30 năm thường trì tụng kinh Duy ma, văn giới hai bản Bồ-tát và Thanh văn, hai bộ Niết-bàn và Bát nhã. Có nhiều điều ngộ nhập, và tụng các bộ kinh luận có hơn năm bản, mười ngày một vòng lược không dư rồi, đến lúc đốt năm ngón tay cúng dường chư Phật, đốt đèn trên vai cầu sinh tịnh độ. Đến hạ tuần tháng 12 năm Khai Hoàng thứ 24 (niên hiệu Khai Hoàng chỉ có 21 năm (581-601) mà thôi) thời nhà Tùy. Chợt nhiên thấy một luồng ánh sáng sắc trắng thẳng đến phương Tây, như vậy suốt hai ngày, mọi người đều thấy, gia phước an nhiên mà thị tịch.

Sa-môn Thích Đạo Tuyên vốn người dòng họ Tiên ở Ngô Hưng vốn là cháu chắt của Bành Tô. Thừa thiếu thời tập trung giáo văn, lúc trưởng thành thân gần pháp tịch của chư sư, khắp đông tây của quan, nam bắc của Giang phỏng tìm tông tượng chẳng sợ khốn khổ. Bên ngoài gồm cả chín dòng học phái, bên trong tinh thông tam học. hương giới phẳng phất, nước định lắng trong, bảo tồn thành vức hộ pháp, trước thuật không ngưng nghỉ, rất khéo giỏi luật tạng, khéo đạt sâu mâu, nắm thiên bẩy tụ rành rẽ như băng tan, cảm bếp trời hiến dâng thức ăn, đầy đủ như các biên ghi trước, từ thời nhà Lương mãi đến nay chẳng ai sánh

bằng.

Căn cứ theo “Hoa Nghiêm Linh Ký” nói: Luật sư Đạo Tuyên từng đến trên Trung Đài, thấy một Đồng tử hình dáng khác thường, Đạo Tuyên hỏi về nguyên do Đồng tử ấy đáp: “Đệ tử là trời, Đế Thích sai bảo đi tuần thú cảnh Thánh”. Đạo Tuyên lại hỏi: “Đạo Tuyên tôi từng đọc xem kinh Hoa Nghiêm trong phẩm “Trú xứ của Bồ-tát” nói là Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi thường ở núi Thanh Lương, Đạo Tuyên tôi từ lúc đến núi tới nay chưa từng được thấy, cơ sao như vậy?” Đồng tử đáp: “Sao sư nghi ngờ, lúc thế giới mới thành, đại địa này ở ngay trên Kim Luân, trên Kim Luân đó nhóm gom cốt lang nha sinh một kim luân nhỏ. Kim luân đó đến bụng nửa Bắc Đài là nơi cung điện bằng bảy báu của Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi ở vậy, vườn rừng cây quả thảy đều đầy đủ, có vạn vị Bồ-tát vây quanh. Trên mặt đất Bắc Đài có một ao nước tên là Kim Tĩnh (giếng vàng). Đại Thánh Văn-thù cùng các Thánh chúng vào ra trong đó, thông cùng với hang Kim Cang. Nơi Đại Thánh ở chẳng phải cảnh giới của phàm tình, sư có thể biết đó”. Nói xong bèn ẩn mất. Đạo Tuyên xuống núi nói cùng mọi người về việc ấy.

Pháp sư Thích Khuy Cơ, vốn dòng họ Uất Trì, tổ phụ húy là Ý Ninh quốc công, thân phụ tên là Kính Tông nhậm chức Lục Quân Khanh Trụ, đảm nhận Tùng Châu đô đốc. Có người bác tên là Kính Đức tức là Tổng quản vô lược... Cổ ở thời Tiên Đường, tiếng tăm vang dậy cả một đời, được phong là Ngạc Quốc Công. Đường thư có bốn truyện, Khổng Tử có bốn khoa, ... phó có bốn Thánh, Tam tạng Pháp sư Đại Đường (Huyền Trang) có bốn đệ tử là Cơ, Quang, Phường, Trắc. Nên nay chủ sở tức là một đó vậy. Tam tạng Pháp sư Huyền Trang đi Tây Vực thỉnh cầu kinh, sau khi đã trở về, Viên Giáo Đại thừa bắt đầu lưu truyền ở Đông Độ, đem giáo pháp lợi ích khắp cùng quần sinh, hẳn nhờ đầy đủ giỏi tài, Pháp Uyển suy tôn chuyên kết quy chủ sở.

Năm 17 tuổi, Khuy Cơ dự phần xuất gia, đặc biệt vâng phụng Minh Chiếu làm đệ tử của Tam tạng Pháp sư Huyền Trang, chủ sở chuyên thọ học bí quyết Tam tạng Đại thừa. Tam tạng Pháp sư Huyền Trang cho rằng muốn cứu tế khắp các quần sinh không gì hơn hoằng tuyên giáo pháp, truyền trao có thể kết quy. Khuy Cơ vâng phụng mạng trước thuật, chế soạn số Pháp Hoa, Duy Thức v. v... có hơn trăm bộ, hưng thịnh lưu truyền nơi đời. Sau khi Tam tạng Pháp sư Huyền Trang thị tịch khoảng vài năm. Khuy Cơ đến núi Ngũ Đài, kính lễ Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi, dừng nghỉ ở viện phía tây chùa Hoa Nghiêm. Thường mỗi tháng, Khuy Cơ tạo một tôn tượng Bồ-tát Di-lặc, mỗi ngày trì tụng giới Bồ-tát một biến,

nguyên sinh lên cõi trời Đâu Suất, cần cầu chí ý ấy vậy, điềm ứng cảm thông thường luôn rất khả quan. Lại tự thân biên viết kinh Kim Cang bản chữ vàng hoàn tất, có ánh sáng thần mây tốt lành quán phủ nơi Đài Vũ, ánh ngời nơi hập tráp. Khuy Cơ tự bảo: “Nếu ta không kiên chí, linh ứng làm sao đến”. Từ khi đi núi xong trở về ở chùa Từ Ân tại Kinh Đô. Đến năm Vĩnh Thuần thứ hai (683) thời Tiền Đường, Khuy Cơ an nhiên thị tịch.

Ngày 15 tháng 03 năm Khai Nguyên thứ 23 (735) thời Tiền Đường, có Thiên sư Mỗ Quán ở chùa Thanh Lương, cùng đồng tạo công đức chủ, Sa-môn Pháp Hội đến ở Trung Đài, tạo tôn tượng Thích Ca, Văn-thù, Phổ Hiền v. v... một bộ tùng, thần công tuyệt diệu, qua năm sau công việc hoàn tất. Sau, đến năm Hội Xương thứ 05 (845) thời Tiền Đường, vua Võ Công (Lý Viêm 841-847) phá hủy chùa chiền trong thiên hạ, nên đồng gặp nạn bị phá hủy, buồn thay!

Sa-môn Thích Chí Viễn, vốn dòng họ Tống, người xứ Nhữ Nam. Từ thuở bé thơ đã chịu tang thân phụ, đơn côi được mẹ nuôi dưỡng, thừa thuận nhan sắc, sớm tối chẳng nhọc mệt, người mẹ thường đọc tụng kinh Pháp Hoa, tinh thông năm quyển Chí Viễn nhờ xưa trước đã gieo trồng gốc lành, thường nghĩ suy muốn giả từ vinh hoa, năm hai mươi tám tuổi, mới cầu xin mẹ xuất gia, giữ lễ phụng thờ thầy, chuyên cần không luống qua, tự thân chăm việc chúng tăng, chưa từng sai trái. Về sau giả từ thầy đi tham học, mang tráp suốt tám năm, với nam bắc hai Tông, yếu chỉ sâu mâu của đại đạo thấy đều tinh thông, nhưng với Đốn giáo của Thiên Thai không gì chẳng tông chuộng, có thể gọi là định tuệ sáng tỏ, huệ tu gồm bị. Sau đó nhân nghe nói Đài Sơn linh dị, chỉ viễn mới cùng đồng bạn vân du, đến dừng ở nơi viện nhỏ bên hữu chùa Hoa Nghiêm, giảng truyền giáo nghĩa Viên Đốn của Thiên Thai suốt bốn mươi năm. Đại chúng nhân đó mà xưng gọi viện ấy là Thiên Thai. Đến năm Hội Xương thứ năm (845) thời Tiền Đường, bỗng nhiên Chí Viễn bỏ ăn vài ngày, mà việc giảng dạy chưa từng tạm nghỉ. Qua ngày 17 tháng 02, Chí Viễn bảo Môn Nhân rằng: “Bình sinh tôi tu tinh tấn, chẳng khinh thường tâm miệng, nay được hai thứ quả báo là nằm thì an ngủ, thức không phiền não. Tôi trước thuật Hoa Nghiêm số mười quyển, Bản Tích Nhị Môn, ba lần riêng ghi, mở gần hiển bày xa. Huyền Môn mười quyển, năn nghĩa phán quyết giải thích. Chỉ quán mười quyển, đó là tông tích của Thiên Thai chuyên tại tuyên dương đều khiến hồng thông chớ khiến ngưng dứt”. Nói xong, Chí Viễn an nhiên thị tịch, hưởng thọ 77 tuổi, 48 hạ lạp.

Căn cứ theo Bia Văn nói rằng: “Hòa thượng Kim Quang Chiếu, tổ tiên vốn người huyện Thăng Trí phủ Hà Nam, dòng họ Lý. Năm 13 tuổi, Kim Quang Chiếu xuất gia, nương theo Sa-môn Linh Sán chủ chùa Bảo Vân tôn xưng làm thầy, đến năm 19 tuổi, vào núi Hồng Dương, tổ thuật Hòa thượng Ca-diếp, nương hầu suốt ba năm y như một ngày, có thể gọi là áo chẳng mang, bố hạt che thân, hình sắc tàn tạ hủy hoại dung nhan, cần cầu chí đạo. Hòa thượng Ca-diếp bảo rằng: “Đạo thường không làm nhưng không gì chẳng làm, Phật thường không ứng nhưng không đâu chẳng ứng. Giữ đó thì giữ một, chuyên cần thì ở ba, tuy có vô số tên khác, nhưng tùy duyên mà nhiếp hóa, và bờ kia đồng thể, cảm vật theo quyền. Vả lại núi Thanh Lương là nơi chư Phật ứng hóa, chúng sinh duyên nặng, ông có thể đến đó”. Kim Quang Chiếu vâng nhận lời chỉ dạy ấy rồi, bèn đến Phần Châu, vừa lúc trong khoảng niên hiệu Bảo Ứng (762-763) thời Tiền Đường, gặp khi gian thần loạn động, ngựa cho sinh ngoài bang giao, Kim Quang Chiếu bị nạn trở ngại trong đó, chưa thể tiến tới trước được, mới xoay trở lại vào núi Mã đầu, qua núi Cô Xạ, lại chuyển đến núi Đan Đặc, suốt sáu năm ở núi, phụng thờ Thiền sư Tuệ Siêu, thệ nguyện khổ thân tín sùng chí học, thường dấy khởi trọng nguyện vì cứu độ quần sinh, chí ý muốn ở núi rừng, cầu vô thượng giác, Thiền sư Tuệ Siêu biết có hạnh nguyện sâu nặng ấy, mới bảo Kim Quang Chiếu chóng chuyển đến kết hạ nơi núi Ốc Đăng, nương theo Hòa thượng Tuệ Ngộ tham hỏi chí lý. Lại nghe Thiền sư Thuần Đạt ở Phương Sơn là bậc đức hạnh thanh cao, tiếng tăm vang vọng. Khi đã đến nơi, chỉ một lần thấy gặp Thiền sư Thuần Đạt hỏi: “Sư từ nơi nào đến?” Kim Quang Chiếu đáp: “Không từ đâu đến”. Thiền sư Thuần Đạt bèn dùng vi ngôn mà đả tiếp, Kim Quang Chiếu bỗng nhiên tỏ ngộ, mới biết chúng sinh tức Phật, Phật tức chúng sinh, tam giới Viên Thông chỉ tại nhất tâm vậy, bèn ở Tung Sơn, trải qua ba năm chuyên hành thiền tập, giữ giới lấy làm thường. Kim Quang Chiếu từng tự tư duy rằng “Chí nguyện đến Đài Sơn, trọn chưa toại tâm, thuộc tại nước nhà ta, Thánh đức mở vận lớn, nhật nguyệt soi chiếu, công cao trăm vua, nghiệp cứu giúp cả ngàn xưa”.

Năm Đại Lịch thứ hai (767) thời Tiền Đường, Kim Quang Chiếu mới đến núi Ngũ Đài, dừng nghỉ nơi viện vạn Bồ-tát ở chùa Hoa Nghiêm. Ngày đó, bỗng nhiên sấm sét nổ âm, mưa bão đua nhau trút đổ, trong tâm Kim Quang Chiếu mới kinh sợ, im lặng nghĩ niệm Đại Thánh, chỉ chột lát bỗng tạnh ráo, chợt thấy có luồng ánh sáng sắc trắng từ Đài bay xuống, trong ánh sáng có ngàn Đức Phật, nghiêm trang rực rỡ, Kim Quang Chiếu

cảm khóc rơi lệ, dất thân gieo xuống đất đánh lễ, vừa lúc ngẩng đầu lên, bỗng nhiên trước đó vọt ra lầu cao mười tượng, có tòa hoa ngàn cách dùng làm đỡ nâng, bèn thấy chư Phật duỗi cánh tay sắc vàng, ba lần xoa đánh Kim Quang Chiếu mà bảo rằng: “Từ nay trở đi nên gọi là Kim Quang Chiếu vậy”. Chư Phật bảo Kim Quang Chiếu tụng kinh Kim Cang Bát nhã lấy đó làm thường thức. Nói xong, bỗng nhiên không thấy gì nữa, trung tâm Kim Quang Chiếu vui mừng vô hạn, cảm ngộ lắm nhiều. Ngày hôm sau đánh lễ giả từ chúng tăng ở chùa, Kim Quang Chiếu bèn đến hang Bí Ma, ở yên tu tiến đức, mỗi ngày thêm mỗi điều mới. Sau đó, từ Tây Đài, bỗng nhiên sấm gió bão bùng, sét nổ mưa tuôn, giây lâu mây tan, cốc bay mọc vàng chỉ trong chốc lát ngàn muôn biến hóa. Kim Quang Chiếu nhất tâm trông xem, thệ nguyện cầu Phật quả. Ứng thời gió hòa trong thoáng, mây mọc đua bay, bỗng thấy cư sĩ Duy Ma, Bồ-tát Phổ Hiền, Văn-thù-sư-lợi, Kim Quang Chiếu buồn khóc lễ bái, bỗng nhiên không thấy nữa. Lại thấy có hai Đồng tử dẫn Kim Quang Chiếu lên đánh đài, thấy hai Đức Như Lai sạch như lưu ly, trong ngoài sáng suốt, sắc tía lóa mờ mặt nhật, khí trắng bay lên giữa trời, khắp đầy giữa rừng núi đều đồng sắc màu vàng ròng, các bạn đồng đi chẳng biết nguyên do tại sao. Sau đó lại đến hang Na-na-diên ở Đông Đài, từ xa thấy có ba vị Tăng cưỡi mây trắng bay ra, đến trước bèn ẩn. Lại đến khoảng canh ba trong đêm, bỗng thấy trước hang có lầu các tầng lớp cao vợi, nhạc trời vang vọng, đến vài ngày rồi, trở lại hang Bí Ma ở sáu năm.

Về sau, Phồn Trĩ huyện lệnh Lã Tài Tuấn cố thỉnh mời đến huyện, thành tâm cúng dường. Về sau nữa, Đại Châu đô đốc tân văn triều nghe hiểu đức hạnh cao lớn của Kim Quang Chiếu, bèn sai sứ nghinh thỉnh mời vào ở chùa Đại Vân, Kim Quang Chiếu dẫn đầu chư tăng hoằng dương Phật pháp, không biết sau cùng như thế nào.

Chủ sơ Hoa Nghiêm hựu là Trừng Quán, vốn dòng họ Đái, người huyện Sơn Âm, Cối Kê, Việt Châu. Trừng Quán sống dưới đời vua Túc Tông (Lý Hanh 756-763) thời Tiền Đường. Năm 13 tuổi xuất gia. Sau đó, đối với sách Nho, chín phái triết học, bách gia chư tử, không gì Trừng Quán chẳng tinh thông. Sau khi thọ giới cụ túc, tiết tháo Trừng Quán khác thường, chỉ nơi nào có danh sơn hấn tìm đi tới, nơi nào có bạn ưu thắng tìm hỏi.

Đến năm Đại Lịch thứ 11 (776) thời Tiền Đường, Trừng Quán đến núi Ngũ Đài, dừng ở dưới viện Bát nhã thuộc phía tây chùa Hoa Nghiêm. Trước sau đến núi vân du các đài có hơn 40 lần. Sau đó, đến

chùa Đại Hoa Nghiêm, Trừng Quán chuyên đọc giáo nghĩa Đại thừa phương quảng, chỉ một kinh Hoa Nghiêm, riêng chuyên tụng tập đề tự tổ ngộ tâm, mừng thích ý tưởng sáng sớm nghe đạo, kinh quyển chẳng rời khỏi tay. Bấy giờ có vị Sa-môn tên là Hiền Lâm ở các viện Thiện Trụ (trong thời nhà Tùy, vốn tên là Đông Đạo Tràng) cũng là người chẳng thể lường biết được thỉnh mới sung làm chủ chùa Hoa Nghiêm. Hiền Lâm mới cùng chúng tăng trong chùa cung thỉnh Trừng Quán giảng kinh Hoa Nghiêm, Pháp Hoa v. v... trước sau cả thảy năm năm, Trừng Quán từng bảo rằng: “Hoa Nghiêm cứu số yếu chỉ ước lược mà vẫn lắm nhiều”. Mới tự tư duy rằng: “Trộm lấy Văn-thù-sư-lợi tiêu biểu cho Chân Trí, Bồ-tát Phổ Hiền hiện bày chân lý, hai pháp hỗn dung tức hiển bày tự thể của Tỳ-lô-giá-na vậy, lý bao muôn hạnh, sự gồm ngàn môn, rộng dụ như Thái Hư, khắp cùng bằng võng cực. Lớn thay! Ngã tức là áo chỉ Hoa Nghiêm ư? Nay ta đã dừng ở nơi chốn của Văn-thù-sư-lợi, cảnh vực Thanh Lương huyền diệu. Kinh lớn Hoa Nghiêm há có thể để mất được sao?” Từ đó, sớm tối ôm ấp trong lòng, tư duy muốn tạo số, bèn từ chùa Hoa Nghiêm chuyển lời đến viện Bát nhã. Trừng Quán thông dong bảo Đại chúng rằng: “tôi đến nơi Thánh địa, nhiều kiếp hiếm được gặp, muốn lắng bật sự giao du, lắng tâm để tạo số, có thể vì tôi mà tạo dựng một tòa các, ở trên đó tạo số có được chăng?” Sa-môn Hiền Lâm chủ chùa v. v... đều nói: “Xin vâng theo”. Mới tìm gọi thầy thợ bắt đầu ra tay, không mấy ngày mà tạo dựng hoàn thành. Bấy giờ có Sa-môn Vô Trước ở Ôn Châu, đích thân từ Sách Lương, bút tích của Hy Hoàng, kỳ thay khả quan! Công việc xây dựng các hoàn tất, Trừng Quán lên trên thiết lập đạo tràng chế tạo số.

Bắt đầu từ ngày mồng tám tháng tư năm Hưng Nguyên thứ nhất (784) thời Tiền Đường, sớm tối đốt hương cầu nguyện, tâm mong có được điềm ứng, sau đó vài ngày, đang lúc nửa đêm ngủ, Trừng Quán mộng thấy một kim nhân đến đứng trước Trừng Quán, Trừng Quán mới đưa tay sờ vuốt, từ đầu hưởng thực cho đến chân mà tỉnh giấc, trong tám Trừng Quán riêng tự mình vui cho rằng. Đây hẳn là Đại Thánh đỗi ban điềm lành, là ta được hưởng thọ pháp vị Hoa Nghiêm. Được yếu chỉ tinh túy ấy là điềm thủy chung tạo số”. Mới dậy súc rửa, bèn vào đạo tràng đốt hương thiết lễ, mừng tạ điềm lành. Sau đó, như tự thân đối trước Thánh dung, nắm vẩy đầu bút, biện tài tư duy như dòng chảy, tinh tường giải thích vi ngôn, chưa từng ngưng ngại, bèn được một bộ, văn của bảy xứ chín hội, rõ ràng tại trước mắt. Từ năm Hưng Nguyên thứ nhất (784) đến ngày mồng 05 tháng 11 năm Đinh Mão (tức năm 787,

còn khoảng thời gian này không có niên hiệu “Chánh Nguyên”, mà chỉ là niên hiệu Trinh Nguyên (785-Ất Sửu-805) mà thôi) tức năm Chánh Nguyên thứ nhất thì gát bút, Trùng Quán đã tạo sớ xong, mới dốc hết tư duyên thiết trai hội cúng dường ngàn vị Tăng, dùng làm hiến bày mừng vui. Lại muốn ứng nghiệm điềm bản sớ ấy lưu thông như thế nào, Trùng Quán bèn vào đạo tràng khẩn cầu minh ứng, bỗng đang đêm ngủ, mộng thấy tự thân mình hóa làm con rồng lớn đầu gối ở Nam Đài, đuôi chấm ở Bắc Đài, nhảy vọt thân ấy lại hóa làm ngàn con rồng nhỏ, phân tán mà đi. Sau khi tỉnh giấc, Trùng Quán mừng vui bảo là: “Đó là điềm ứng bản tân sớ lưu hành vậy”. Từ đó, Sa-môn Hiền Lâm chủ chùa Hoa Nghiêm, thượng tọa Ngô Tịch làm chủ cúng dường mười chùa Sơn môn, Sa-môn Vô Trước ở Ôn Châu và tăng chúng ở Hạp Sơn lại cùng thiết lập đại trai hội hiến bày mừng vui bản tân sớ. Đến năm Chánh Nguyên (Trinh Nguyên) thứ tư (784) thời Tiền Đường, tỉnh Châu Tiết độ sứ Mã Toại, Đại Châu đô đốc Vương Triều Quang mỗi mỗi đều sai sứ mang các thứ cúng dường đến núi, cầu thỉnh Trùng Quán giảng bản tân sớ đó, mỗi ngày dưới pháp tòa có cả ngàn vị Tăng lãnh hiệu tuyên dương Diệu Hiền. Chúng học lưu xuất trước sau có cả ngàn vị. Ngoài ra, các sự tích khác về Trùng Quán ở Biệt truyện đã nói rõ.

Sa-môn Thích Thường Ngô, vốn dòng họ Âm, người xứ Phạm Dương. Đầu tiên, Thường Ngô nương theo chùa An Tập tại quê hương cầu xin xuất gia Thường Ngô bảm tánh thuần phác, dung mạo khôi ngô, vui thích cảnh suối rừng, nương tâm ngoài vật.

Năm Đại Trung thứ tư (850) thời Tiền Đường, riêng một mình chống mang tích tượng đến núi Ngũ Đài tham lễ, tìm phỏng Thánh tích, dừng ở nơi Bồ-tát Đường tại chùa Hoa Nghiêm, chiêm ngưỡng tôn dung Đại Thánh đốt ngón tay giữa bên cánh tay phải mà cúng dường. Sau đó đi khắp cả năm đảnh, trông thấy ánh sáng tốt lành, không thể ghi nhớ hết ưu thắng. Đến nơi tây đài gặp Thánh tích cổ tên là Bí Ma Nham. Thường Ngô chỉ trong khoảnh khắc mở mắt, bỗng thấy ánh sáng vàng rờn sáng rực lóa mắt, dần phân thành trĩ điệp, phương thế như tường thành, tức xưa trước gọi đó là thế giới kim sắc. Nhân đó, Thường Ngô hỏi chư tăng ở chùa, có vị Tăng đáp: “Đất đây xưa trước có bậc cổ đức trú trì tên là Hòa thượng Kim Quang Chiếu, đó cũng nhân ánh sáng (Quang) mà lập thụy hiệu, nên hẳn đó là điềm lành vậy”.

Thường Ngô buồn vui lẫn lộn, thệ nguyện ở tại xứ ấy, bèn dựng am để ở, lắng ý gá thân, mỗi lân nhập định môn, suốt 49 ngày mới xả, chim bay mưa hoa, hợp mây thơm mới, mọi người tung khăn rũ

áo quy y đông nhiều như chợ, nhân đó dựng lập thành Phạm vũ, xây tạo Phật cung. Suốt 17 năm, Thường Ngộ chẳng từng xuống khỏi núi, chuyên tinh thiền tụng, chẳng phế bỏ tác bóng. Có thể gọi là nhờ sức Thánh ngấm thông, đạo vượt cánh phàm. Đến cuối thời vua Chiêu Tông (Lý Diệp 889-904) thời Tiền Đường, Thường Ngộ cũng hiện hóa chẳng thường, hoặc có lúc vỗ tay cười lớn, hoặc tay nắm hai viên đá cùng mài xác, chỉ gọi là: “Cùng hợp, cùng hợp”. Mọi người chẳng lường biết là nguyên do gì. Đến sau khi vua Trang Tông (Lý Tồn Húc 923-926) thời Hậu Đường thôn tính Chu Lương, mọi người mới tỏ ngộ lời của Thường Ngộ nói trước kia. Bấy giờ, Võ Hoàng (?) đang ở tại Hà Đông, kính mộ cao đức của Thường Ngộ nên đến núi kính lễ. Tháng tư năm Văn Đức thứ nhất (888) thời Tiền Đường, bảo Hiến Châu thứ sử Mã Sư Tố truyền ý đến thỉnh mời. Thường Ngộ cố chối từ chẳng hứa thuận, và đến ngày 13 tháng 07 năm đó (phần cuối ở đây về niên đại có phần không phù hợp, cần đối chiếu lại).

Sa-môn Thích Nguyễn Thành, vốn dòng họ Tống, không biết là người ở xứ nào. Gia đình nhiều đời theo Nho nghiệp vang danh xa gần, chẳng chuyên việc phù hoa, chẳng rảo xen vinh lợi. Mới đầu, thân mẫu của Nguyễn Thành vốn người dòng họ Âm, ban đêm mộng thấy trước sân có hai cây, đều nở rộ hoa, chỉ chốc lát mà rơi rụng cả, chỉ còn một cành riêng không điều tàn, kết thành quả quý, tỉnh giấc bèn mang thai, tâm ý thân mẫu vui mừng, mong nguyện được sinh con trai. Đã phát nguyện rồi, đến thời kỳ bèn sinh con trai, nên đặt gọi tên là Thành. Đến lúc trưởng thành nương theo thầy, riêng xưng chữ “tiểu”. Vừa tuổi bé thơ, Nguyễn Thành đã ra đến trường học, chuyên tập minh huấn, dẫn đầu đồng bạn. Sau đó, xả bỏ thế tục, giả tử thân thích, đến núi Ngũ Đài, nương theo Sa-môn tăng Chánh Hạnh Nghiêm ở chùa Phật Quang cầu xin xuất gia, tôn xưng làm thầy. Đến năm Thái Hòa thứ năm (831) thời Tiền Đường, thọ giới cụ túc, tụng giới Đại thừa Tiểu thừa, các kinh Pháp Hoa, Kim Cang, Phật đảnh, đại bi thần chú, dùng làm việc thường. Đến trong đời vua Võ Tông (Lý Viêm 841-847) thời Tiền Đường phá hủy Phật giáo, mà Nguyễn Thành vẫn giữ chí không cải đổi. Sau khi vua Tuyên Tông (Lý Thâm 847-860) thời Tiền Đường lên ngôi, Phục Hưng chùa Phật, sơn môn lại tuyển chọn thỉnh mời Nguyễn Thành dẫn đầu tăng chúng, đặc hứa tu sửa một chùa Phật Quang. Sau khi công việc hoàn tất, vua lại ban phong Nguyễn Thành hiệu là “Viên tướng”, lại sung thêm chức là “Sơn môn Đô Kiểm hiệu”.

Đến ngày mồng năm tháng sáu năm Quang Khải thứ ba (887) thời

Tiền Đường Nguyễn Thành bỗng cảm thấy chí khí suy yếu, mới dốc xả tất cả y vật để sung vào cúng thí, sau đó không bao lâu bèn thị tịch. Người sau xây dựng tháp ở góc tây bắc của chùa mà cúng dường.

Thiền sư Thừa Phương ở chùa Phật Quang, quên sót mất dòng họ và quê hương, vốn là cháu của Hòa thượng giải thoát. Thừa Phương thân cao bảy thước năm tấc, dáng mạo oai phong, tay duỗi dài quá đầu gối. Mây dài tấc, mắt có hai tròng người, mỗi ngày sáu thời lễ bái tụng niệm, hành đạo không ngưng nghỉ, tiếp nối vết cao, lại tạo dựng phạm cung, đài điện giảng giữa hư không, lần lượt theo đẳng cấp. Có một sĩ nữ ở Thái Nguyên tu tạo một tôn tượng Đại Thánh, phỏng định đưa đến sơn môn, theo đường đi qua sông Hồ Đà, nước chảy bỗng bênh, sóng cả dôi vỡ, thuyền chèo nghiêng ngả. Thừa Phương đứng cách bên kia bờ xa kính lễ đốt hương cầu đảo, bỗng nhiên nước ngưng dòng, Thánh tượng đã đưa qua thì nước chảy xoáy lại như cũ. Về sau, không biết năm tháng nào, Thừa Phương thị tịch tại chùa, nhục thân vẫn hiện còn, có văn bia dựng cách chùa một dặm về hướng tây.

Hòa thượng Vô Danh vốn người ở quận Bột Hải, tức cháu của Cao lực sĩ ở Tiên Triều. Từ thừa bé thơ đã mộ đạo, cắt bỏ tóc xanh nơi nướn vàng, cầu thọ giới cụ túc, phỏng tìm thầy, đượm nhuần giới phẩm ở chốn kinh đô. Tâm địa sâu mầu, thọ tông của Hà Trạch, văn tao đọc ngang, ra câu của Thang Hưu, có thể gọi là rường cột của pháp uyển, tiêu chuẩn của thích môn. Đến năm Chí Chánh thứ nhất (?), ngày thị tịch tắm gội sạch sẽ, sáng sớm ăn một bữa rồi gọi tất cả môn nhân tăng chúng trong chùa dặn bảo xong, ngồi kiết già an nhiên thị tịch. Sau đó 11 năm, Hà Đông tiết soái Lý Công lên đánh đài tham yết, nghe có mùi hương thơm khác lạ, tu sửa lại khám thất, cảm có ánh sáng thần rộng dài vài tượng, tướng lành ứng hiện, mới cùng bàn nghị trà tỳ, thịt heo lửa cháy, cốt sương vẫn đoan tọa sáng sạch quanh minh, chi tiết liên nhau, sáng trờn như ngọc, bèn dựng tháp cúng dường tại chùa, khắc văn bia đá đến nay vẫn hiện còn.

Hòa thượng Thuyên Luận, vốn người thổ cư, đại địa. Năm 07 tuổi xuất gia, y theo đuổi đủ thọ cụ, giới châu sáng sạch, hạnh nghiệp tỏa ngời, bên ngoài tập học tỳ ni tạng giáo. Bên trong chuyên tu nhân đại địa thừa, thành đạt tha tâm thông soi chiếu, mọi việc đều biết trước, chỉ dùng rau lá quá trưa chẳng ăn, áo xấu mới đủ che thân, chẳng chứa thóc gạo, không cất vãi vóc, có thể xưng gọi là vị Tăng cao hạnh thanh khổ. Đến ngày thị tịch có ráng mây giảng che giữa hư không, nhạc trời vang vọng bên tai, hương thơm khác lạ phảng phất, mọi người xa gần tụ tập,

mới gọi nhóm tăng chúng trong chùa, nắm tay tuần tự trái, căn dặn môn nhân rồi, ngồi kiết già mà thị tịch.

Sa-môn Thích Pháp Hưng, vốn người ở Tây Kinh, năm 07 tuổi xuất gia, chẳng cùng xen tạp với bạn ở đương thời, vâng hầu sư trưởng, cố gắng quên cả nhọc mệt, trì tụng kinh Diệu Pháp Liên Hoa, đến lúc tuổi già thuộc thành bài tụng, lại niệm kệ vàng tịnh danh, chẳng đầy chín tuần, hai bản giới kinh chỉ hơn một tháng, mỗi ngày thường trì một biến, phúng tụng pháp vị tinh thông, luật nghi tinh nghiêm, vâng trì không phạm. Đến lễ bái Thánh tích chỉ ý vui thích chốn suối rừng, lệ thuộc vào chùa Phật Quang, bèn có chí ý muốn trọn ở đó. Bốn phương cúng dường lợi hưởng, tự thân chẳng giữ gìn, giao cho môn nhân đệ tử, tu tạo đại các Di-lặc gồm ba tầng chín gian cao chín mươi lăm thước, tôn tượng trang nghiêm không gì chẳng hoàn bị. Cho đến 72 vị Thánh hiền, tám đại long vương, Thánh tượng các chùa ở đài sơn, có hơn cả vạn, khắc họa đều hoàn tất, chư tăng xứng dương tán thán khác miệng mà đồng lời, liệt bày thuộc như trên, cầu thỉnh sung làm sơn môn đồ cương, khuôn phép chuẩn mực làm pháp cho đời sau.

Đến tháng giêng Thái Hòa thứ hai (828) thời Tiền Đường, nghe giữa hư không có tiếng bảo rằng: “Lúc nhập diệt đã đến, các chúng trời Đâu Suất, nay lại nghinh đón”. Pháp Hưng bèn tắm rửa xong, đốt hương, an nhiên đoan tọa mà thị tịch. Tăng chúng tạo dựng tháp cúng dường cách chùa một dặm về phía tây bắc.

Tất Cứu Đô Cương ở chùa Vương Tử thiêu thân, không biết vốn người xứ nào và tên họ là gì, bởi nghe các bậc lão thành rao truyền qua miệng nên sự việc có nhiều lạ phé, nay biên truyện đây chỉ là đại khái. Khổng Tử nói rằng: “Ta thích lễ ấy, đó cũng như vậy”. Vốn là ở đời tương truyền Tất Cứu Đô Cương là cậu của vua Diêm Ma, vì từng trông coi việc tăng chúng, nhân đó mà gọi là “Đô Lương”. Xưa trước, tại phủ Thanh Lương tức thành cổ của huyện Ngũ Đài ngày nay. Huyện Tế ở đó, quên mất tên họ, đang giữa mùa hạ, riêng ngồi một mình uống rượu ban đêm nơi hiên nhà, chợt thấy có vài người hình chất rất to lớn, mang cầm gông cùm tự như kẻ sứ đuổi bắt người trong quan đến trước mặt mà đứng. Huyện tế ấy dò hỏi về nguyên do. Các người kia đáp rằng: “Chúng tôi là lính sứ của vua Diêm Ma, vua Diêm Ma sai đến tìm bắt ông, ông nên đi vậy”. Huyện tế ấy rất kinh hãi vụt đứng dậy, bảo cùng ngục sứ rằng: “Chết là việc làm xưa nay, tôi không phải sợ, chỉ duyên bởi có người thân già cô quạnh đang ở nhà, chỉ nhờ bổng lộc tôi làm quan, lấy đó mà báo ân nuôi dưỡng, nếu theo sự tìm bắt đây

thì việc hiếu dưỡng bị phế mất, nếu được đợi người thân đã trăm tuổi, thì tôi chết không lấy gì phải hận, nay có thể dùng vàng ngọc để chuộc khỏi được chăng?” Ngục tốt bảo: “Đây là nghiêm lệnh của vua Diêm Ma, chúng tôi không dám phán quyết, nếu ông muốn khỏi, thì tại chùa Vương Tử thiêu thân ở núi Ngũ Đài có Tất Cứu Đô Cương, là cậu của vua Diêm Ma. Nếu ông có thể đến báo xin thì có thể giúp được”. Khi ấy, huyện Tể vội sai chuẩn bị ngựa cùng lính trong phủ cấp tốc mà đi. Vừa lúc mặt trời ló dạng thì đến chùa, cánh cửa nơi phòng Tất Cứu Đô Cương còn đóng kín, ngủ chưa dậy. Huyện tể đích thân tự gõ cửa, nhỏ tiếng gọi kêu. Chốc lát sau Tất Cứu Đô Cương ra, Huyện Tể liền gieo thân mình đánh lễ. Tất Cứu Đô Cương bảo: “Đức Phật của sơn tăng chẳng tiêu sự kính lễ của quý nhân. Quan tể trước đây thường vân du đến núi, rất mực xem thường, lúc này có việc gì bức bách mà lễ kính quên cả nhọc mệt vậy”. Huyện Tể ấy thưa: “Không biết được Thánh nhân, tội thật sâu nặng”. Vừa khóc, Huyện Tể vừa kính bái. Tất Cứu Đô Cương bảo: “Có thể được”. Nhân đó, đòi lấy giấy bút, viết rõ việc ấy, viết xong giao cho Huyện Tể. Huyện Tể kính bái vài ba phen tỏ bày cảm tạ rồi trở lui. Từ đó về sau tới lúc nghĩ việc quan, Huyện Tể ấy trọn không việc gì khác. Và cũng từ đó mà tiếng tăm Tất Cứu Đô Cương vang vọng. Tiếng tăm đã rõ ràng như vậy. Về sau, Tất Cứu Đô Cương cũng thị tịch, có tháp hiện còn ở góc Đông nam của chùa.

Theo người biên tập truyện, Diên Nhất tôi cho rằng: “Đó là Đại Thánh biến hóa”. Nên trong truyện Kim các biến hóa nói phàm Thánh chung ở lẫn lộn, lấy đó làm ứng nghiệm vậy.

Đại sư Hàng Long, vốn dòng họ Lý, húy là Thành Tuệ, là người huyện Linh Nhạc, Úy Châu. Song thân mạnh khỏe mà không con nối dõi, nghe nói Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi ở núi Ngũ Đài vô cùng linh dị, nên đích thân đến đó cầu thỉnh. Sau khi trở về, người vợ bèn cảm mang thai, đến lúc mãn nguyệt, sinh được một người con trai, khắp xóm làng đều thán dị đồng xưng gọi là con Thánh. Đến lúc lớn, phong cốt mẫn tú, thần trí vượt khác đồng hành, Hàng Long mới đến núi Ngũ Đài nương theo Sa-môn Pháp Thuận chủ viện Chân Dung, tôn xưng ngoại đạo làm thầy mà cầu xin xuất gia, năm 20 tuổi đăng đàn thọ giới cụ túc. Về phía Đông nam của Đông Đài, cách khoảng hơn trăm dặm có một cái ao tên là Long Cung. Theo các bậc lão thành tương truyền rằng: “Đại sư Hàng Long thường ở tại đó, dựng lập am tu đạo”. Đến nay có rừng tùng, nền móng cũ vẫn hiện còn. Ở trong bình sạch, Hàng Long vốn nuôi một con rồng, rồng từng nhảy ra, vào ở trong sông nước trong. Sông ấy

có một đá lớn, phía trên có ba lỗ thông, rỗng vào ngậm ẩn nơi đó. Một ngày nọ, lúc mặt nhật ló dạng, phía tây nam trên sông thấy có hơi khí sắc trắng xuất hiện, Hàng Long biết rỗng ngậm ẩn phía dưới, mới đem bình đến nơi sông, hướng trông uể lỗ nói đá, lớn tiếng kêu gọi, rỗng trở vào lại trong bình, Hàng Long bèn đưa về am. Suốt nước ấy vẫn còn linh dị. Tuy sông bùn lấm nước lấm xoáy lẫn lộn, nhưng riêng trong ao suốt ấy không mấy dơ bẩn.

Trong khoảng niên hiệu Thiên Hy (1017-1022) thời Bắc Tống, Diên Nhất tôi đích thân đến tham quan. Quán Long Tuyền ngày nay, cũng nhân dòng suối ấy mà đặt gọi tên. Hàng Long thường ở trong cốc Lý Ngư thuộc phía Đông bắc của Tây Đài, cũng có nơi dựng am tụng kinh, thường cảm thần núi hiện thân đến nghe pháp. Về sau, có các Samôn Trạm Sùng v. v... ở chùa Vương Tử, dẫn tăng chúng mang thư đến khẩn thiết cầu thỉnh Hàng Long về ở chùa, bày lễ kính trọng, giữ phép thầy trò. Hàng Long chẳng chống trái, chuyển dời đến ở chùa ấy, nên được núi vàng càng tỏa sáng, đất báu sinh cỏ thơm, vật báu ở chín châu đều đến, lầu đài của mười chùa càng mở mang, tài thí, pháp thí, ruộng Phật ruộng tăng, đều do Hàng Long trú trì, đồng dùm phước lợi. Đến thời Hậu Đường, vua Trang Tông (Lý Tồn Húc (923-926), nghe hạnh cao của Hàng Long, nên tháng bảy năm Đồng Quang thứ nhất (923) thời Hậu Đường sai sứ mang pháp y sắc tía ghi đề tên Hàng Long, trao sắc thư ban tặng, với chiếu văn ghi rằng: “Thật huệ non thức, sinh tỏa vườn kê, thượng triết tinh thành giữ giới Hộ Nga, hoàng tuyên đàm pháp nhận trú. Ngậm bao quát tam thừa, sâu sáng rõ tứ đế. cỏ nhẩn mới tốt nơi vườn tánh, hoa ý chẳng nhiên nơi ruộng tình, tự ẩn vết nơi Linh Phong, gá tâm ở thắng địa, nổi thuyền từ mà cứu vớt kẻ đắm chìm, cầm đuốc tuệ mà dẫn dắt kẻ mê, 500 Long Thần đều phục đức lớn, một vạn Bồ-tát đồng tiếp vết cao làm rường cột của pháp vũ, nêu tiêu biểu của không môn. Trẫm vừa mới dựng xây cảnh vân, chấn xiển Chân Phong, nên nêu danh chứa hạnh để phụng giáo pháp vô vi. Nay ban phong hiệu “Quảng Pháp Đại sư”, và ban tặng pháp y sắc tía”. Hàng Long cố chối từ không nhận. vua Trang Tông lại ban sắc chiếu mong khuyên, đại khái là “Nhờ sai nội quan xa đến ban thành mạng, hiệu sư đã rõ bày nơi giới hạnh, pháp y sắc tía không từng hưởng hành trì. đã lâu đáng thuộc bậc nhân, chẳng nên lấm nhiều từ nượng”.

Đến tháng 12 năm Ất Dậu (925) tức năm Đồng Quang thứ ba thời Hậu Đường, Hàng Long căn dặn môn nhân rồi, gối tay mà thị tịch, hưởng thọ 50 tuổi, 30 hạ lạc. Sau khi Hàng Long thị tịch, vua lại ban

phong thụ hiệu là “Pháp Vũ Đại sư” và linh tháp hiệu là “tháp Từ Vân”. Đến nay vẫn hiện còn tại chùa.

Đại sư Siêu Hóa hý là Khuông Tự, vốn dòng họ Lý, người thôn Tề Phụng huyện Văn Thủy, Thái Nguyên. Từ thuở bé thơ đã mến mộ đạo, chẳng vui thích vinh hoa thế tục, chú ý đến Đài Sơn, mong nguyện được xuống tóc xuất gia, nương theo Sa-môn Hạo Oai ở viện Chân Dung, tôn xưng làm thầy. Sau khi thọ giới cụ túc, gắng chí vượt hẳn đồng bạn. Chống tích đến phương nam, tham tìm Thiện tri thức, học thông nội ngoại giáo điển, nghiên cứu thiền luật, truyền pháp độ người, mở mang tại mất đại chúng.

Năm Thiên Phước thứ ba thời Hậu Tấn tức năm Mậu Tuất (938), Siêu Hóa vân du các phương hoằng hóa, đến Hồ Nam, bái yết Ngụy Quốc Chúa Vương Công. Vương Công cúng thí, hương trà cả vạn. Đến năm Đinh Mùi (947), lại sai sứ mang đưa vào núi cúng cấp khắp các chùa. Năm Quý Mão (943) Siêu Hóa đến nước Ngô Việt ra mắt Thượng phụ Nguyên soái Tiền Vương, Tiền Vương tiếp lễ rất nồng hậu. Siêu Hóa đàm luận đến sâu mầu, nhã hợp ý Tiền Vương, Tiền Vương bèn dâng các thứ hương vật trà đến cúng thí Đại sĩ Văn-thù-sư-lợi và một vạn Thánh chúng ở núi Ngũ Đài, và tạo Bồn bát bằng bạc đựng trong hột đủ một vạn bộ, 100 sọt trà, và sai bảo người đưa đến trong quán của Ngô Việt. Thứ sử của các châu, mỗi mỗi đều bày biện thí lợi các thứ cúng cụ, không gì chẳng hoàn bị. Riêng tạo một thuyền lớn để chuyên chở, đi bằng đường biển theo hướng bắc mà trở về, từng gặp gió bão nổi khắp bốn phía, sóng cả vỗ dồi, mọi người trên thuyền đều kinh sợ, nghiêng khắc muốn chìm đắm. Siêu Hóa mới chĩnh trong pháp phục, đốt hương, vọng về núi, xa kính lễ Đại Thánh Văn-thù-sư-lợi, nguyện cầu thâm gia hộ. Bỗng chốc thấy Đại Thánh Văn-thù-sư-lợi xuất hiện nửa thân trên biển, sóng to gió lớn đột nhiên dứt mất, bèn được về đến Thương Châu, khiêng chở về núi. Sau đó, cùng Đại sư Hàng Long bình đẳng cúng thí các Lan Nhã nơi sơn phượng, chùa viện ở đài núi, chẳng riêng lấy làm lợi. Đến lúc, Siêu Hóa dừng tích nơi chỗ ở xưa, tăng chúng cố thỉnh mời Siêu Hóa chủ lãnh việc chúng tăng. Về sau, triều đình ban sắc thống lãnh cả sơn môn. Suốt thời gian 15 năm phục hưng tu tạo chùa Phật, cúng dường chư tăng có hơn trăm vạn.

Căn cứ theo Biệt truyện nói: Xưa trước, Hồ Nam Mã Vương vốn kính trọng lệnh vọng, từng sai sứ mang 200 sọt trà đưa đến Đài Sơn để sung vào cúng dường trước Đại Thánh. Mới chia cấp cho các chùa ở Sơn Môn, sau đó cùng Đại sư Siêu Hóa đồng lên đánh đài đốt hương

khẩn cầu. Thiết lễ đã xong, đều cùng dừng nghỉ bên cạnh ao rộng, bỗng nhiên thấy một con rắn nhỏ thân hình sắc đỏ, bơi nhảy trên nước xoay đầu trông nhìn Đại sư, Siêu Hóa bảo: “Người đến đó ư?” Rồi bảo kẻ sứ ấy là: “Ông hãy nhanh trở về, sợ hắc có Đại sư”. Kẻ sứ ấy bèn vâng theo lời cùng Đại sư trở về đến viện. Qua ngày hôm sau, kẻ sứ ấy mới tỏ ngộ ứng ngộ trông thấy rắn. Siêu Hóa có sự dự tính thấy biết như thế. Đó là hạng người gì ư? Cũng là người chẳng thể lường biết vậy, ngoài việc trú trì cũng thường xuyên thiên định lễ tụng.

Đến tháng chín năm Giáp Thìn tức năm Thiên Phước thứ chín (944) thời Hậu Tấn, Siêu Hóa cảm bệnh, qua sau năm ngày thì thị tịch, sau khi trà tỳ, Môn nhân tặng chúng gom thâu linh cốt xá-lợi, xây dựng tháp cúng dường, đến nay vẫn hiện còn.

Đạo giả thủ tánh, sống trong thời Hậu Tấn, quên mất dòng họ là gì và quê hương ở đâu? Vốn ở viện Thủ Tánh, tức là Lan Nhã ở phía Đông bắc chùa Vương Tử ngày nay, cải đổi tên là viện Bắc Phước Thánh vậy. Với tâm hạnh bên trong của sư không thể lường biết được, bên ngoài hiện tướng thô xấu, vận mặc áo nạp cũ rách, ăn dùng vật thừa của tăng chúng, chẳng nhiễm thanh danh. Mọi người khâm phục kính trọng như Thánh, mọi người trong Hương Xuyên cúng thí, không gì chẳng vui cho. Các hàng tăng tục đi núi, trông thấy cứu giúp không phân chọn. Thường mang theo con dao sắc bén vào núi, thấy rắn liền chém và chỉ bảo: “Thủ tánh, thủ tánh”. Do đó, nên mọi người xưng gọi sư tên là Thủ Tánh Đạo giả. Sư từng dạy rắn đệ tử rằng: “Các người vào núi hái củi, nếu như lúc thấy gặp rắn, phải thận trọng chớ đánh giết. Quả báo rắn rất nặng, ngàn năm thiếu một, lại phải nhận chịu đó”. Các đệ tử thưa: “Nếu vậy, sao thầy chém giết rắn?” Sư bảo: “Ôi! Các người sao biết được, lão tăng chém giết rắn, khiến nó giữ lấy tánh, tức là giả mở quả báo kiếp rắn cho nó. Các người không có khả năng, đâu có thể đồng như ta”. Sư có mặt hạnh như vậy. Về sau thị tịch tại bản viện v. v...

Đại sư Tăng Thống, vốn dòng họ Lưu, húy là Kế Ngung, người xứ yên kế, thân phụ húy là thủ kỳ, ở cuối thời Tiền Đường đảm nhận Thương Châu Tiết độ sứ. Từ thừa bé, Kế Ngung đã mất sự vương cậy, tánh vốn tri thức, gặp lúc nạn loạn nên lánh đất đến ở núi Thanh Lương, đảnh lễ Đại sư Quả Thắng-hoàng Chuẩn tôn xưng làm thầy cầu xin xuất gia. Đến năm đủ tuổi, thọ giới cụ túc, chuyên tinh tụng tập chẳng nhọc mệt. Xa đến Kinh đô tập học, gần được vài bản kinh luận, bèn tìm trở về lại chùa xưa, trên đầu đội kinh Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm, đi chân trần lễ bái khắp cả Ngũ Đài, mỗi lúc đến một đài, giảng “phẩm

trú xứ của Bồ-tát” một biển, tròn năm như vậy lấy làm thường. Mỗi lần giảng xong, thiết bày các thứ trà thuốc thức ăn tốt lành khác lạ để cúng dường. Sau đó đốt hương Đại Thánh Văn-thù-sư-lợi, đốt hương lập thế nguyện. Lúc đi đến Đông Đài, Tấn Thiệu chúa đang ở ngôi thấy gặp rất mực kính trọng, ban sắc mực kính trọng, ban sắc thỉnh mời đến ở chùa Đại Tướng Quốc giảng Đại kinh Hoa Nghiêm, dẫn cùng các hàng vương hầu quy y tin nhận. Và trong khi giảng có các thứ cúng thì nhiều cả vạn muôn. Kế Ngung đều để tại đó, xây dựng vách tường đá phía dưới hiên vũ bốn mặt giảng đường của chùa ấy, bảo thợ ghi khắc kinh đã giảng, thời gian tháng trời công việc hoàn tất. Sau đó, Kế Ngung xin trở về núi, được ban tặng tài thí lắm nhiều vô kể, bèn dựng xây hiên vũ bốn mặt tại viện Chân Dung và lầu các ở chùa Hoa Nghiêm, có cả thảy 3 ngàn gian. Chẳng những cúng thí hơn 700 hội, mà còn đắp họa khảm núi La-hán gồm 32 nhà, đọc tụng kinh Kim Cang và tạng kinh có 6 trăm vạn quyển, đồng thời chú kệ chân ngôn, khắc đàn hết lớp. Những lúc gặp phải ba tai tám nạn, Kế Ngung đều cúng thí khắp cùng, thiết hội vô giá cấp cháo cho bốn chúng, nhân quả thù diệu gieo ruộng phước lớn, chưa từng có ai hưng thịnh như thế. Về sau, Kế Ngung có được sắc chiếu ban giao tổng quản mười chùa ở núi Ngũ Đài, ban tặng pháp hiệu là “Quảng diễn Khuông Thánh Đại sư Hồng Lô Khanh”, và ban tặng y phục, vua Cao Tổ (Lưu Trí viễn 947-948) thời Hậu Hán chỉ một lần thấy gặp Kế Ngung ngợi khen thật chưa từng có, đặc biệt bảo cùng các Vương Kiết làm anh em. Thiệu chưa lên ngôi (?) lại ban thêm chức là “Ngũ Đài sơn quản nội đô Tăng Thống”, về sau lại đem công trao làm “Đại hán Quốc độ Tăng Thống kiểm hiệu Thái sư” Kiêm Trung thủ lệnh.

Đến ngày 12 tháng giêng năm Thiên Hội thứ 17 thời Ngụy Hán (?) Kế Ngung thị tịch tại viện Bồ-tát ở núi Ngũ Đài, hưởng thọ 73 tuổi, 32 lạp. Có sắc chiếu ban Ngụy giản nghị Đại phu Dương Mộng Thân soạn thuật bia minh thần đạo dựng lập tại phía Đông bắc của viện, môn nhân tăng chúng gom thâu linh cốt, dựng tháp cúng dường đến nay vẫn hiện còn.

20. SỰ TÍCH CHƯ NI CAO ĐỨC

Căn cứ theo “Hoa Nghiêm cảm ứng truyện” nói: Trong khoảng niên hiệu Nghi Phụng (676-679) thời Tiền Đường. Từ Tây Vực có hai vị Phạm tăng đến núi Ngũ Đài, mang theo các thứ hoa cỏ, bưng nắm lò hương, dùng khủy tay đầu gối đi bộ hướng đến núi đánh lễ Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi gặp một ni cô tại giữa khoảng hang đá nghiêm nhiên ngồi

một mình trên sàn giường dưới gốc cây tùng, miệng chuyên trì tụng kinh Hoa Nghiêm, khi ấy cảnh trời đã chiều tối, Cô ni ấy bảo hai Phạm tăng rằng: “Phận kẻ ni không hợp cùng Phạm tăng đồng chung ở qua đêm, chớ đại đức tạm đi nơi khác, sáng ngày trở lại”. Hai Phạm tăng nói: “Núi sâu đường xa, không biết dừng nghỉ nơi đâu, nên xin chớ bị sai khiến đi”. Cô ni ấy bảo: “Nếu không đi thì tôi đây không thể ở lại được, mà phải vào trong núi sâu”. Hai Phạm tăng ấy bồi hồi lo sợ chẳng biết nên đi đâu, Cô ni ấy bảo: “Chỉ nên xuống cốc phía trước tại đó có một hang tọa thiền”. Hai Phạm tăng ấy y theo lời chỉ bảo mà đi tìm đó, quả nhiên thấy có một các hang tọa thiền cùng xa cách hơn một dặm. Hai Phạm tăng ấy nhất tâm chấp tay, rồi tay bưng lò hương xoay mặt về hướng nam xa kính lễ, lắng tâm nghe kinh rõ hiểu tận tai. Mới đầu Cô ni ấy khai đề kinh, xưng tụng: “Tôi nghe như vậy...” Mới xa thấy Cô ni ấy thân ngồi nơi giường xoay mặt về hướng nam, trong miệng tỏa ánh sáng rực rỡ sắc màu vàng ròng, ánh ngời trước núi, tụng đến hai quyển trở lên thì ánh sáng ấy tỏa lớn ở phía nam của cốc vuông tròn, rộng khoảng mười dặm cùng như ban ngày không khác, tụng kinh đến quyển thứ tư, ánh sáng sắc vàng ấy hơi gom thâu lại, tụng đến hết quyển sáu, thì ánh sáng ấy đều trở lại vào trong miệng Cô ni.

Trong phẩm “Trú xứ của Bồ-tát” ở kinh Hoa Nghiêm nói: “Về phía Đông bắc của nước Chấn Đán có trú xứ của Bồ-tát tên là núi Thanh Lương, chớ vị Bồ-tát trong thời quá khứ thường ở trong đó. Hiện nay có vị Bồ-tát tên là Văn-thù-sư-lợi cùng vạn vị Bồ-tát đồng ở tại trong đó”. Núi đó ở phía Đông nam của Đại Châu tên là Ngũ Đài vậy. Lại nữa, trong kinh “Thủ Lăng Nghiêm Tam-muội” nói: “Văn-thù là Nhật Long Chủng thượng tôn ở thế giới Bình Đẳng trong thời quá khứ”. Lại nữa, trong kinh “Ưống Quật ma la nói: “Văn-thù là Phật ma ni Bảo Tích ở thế giới hoan hỷ tại phương bắc”. Nên nghĩ tưởng cảnh của vị thần Ni ấy hẳn là sự phân hóa của Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi để chỉ dạy cho hai vị Phạm tăng vậy.

Cô Ni Pháp Không, vốn dòng họ Hàn, người xứ Tuyên Châu. Từ thừa bé thơ, giả từ song thân đến chùa Kiến An cách núi Ngũ Đài về phía Tây Nam hơn trăm dặm, cầu xin xuất gia. Về sau đến chùa Kỳ Hoàn thọ giới. Chuyên trì tụng kinh Pháp Hoa lấy làm hạnh nghiệp thường. Về sau mang rương tráp đi nghe học kinh luật, trải suốt vài mươi năm nhưng không được khai ngộ, tự biết tánh mình thiếu hẳn minh tuệ bởi do xưa trước không có sức tập học. từng nghe tại núi Ngũ Đài, Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi hiện các thứ thân cứu độ quần sinh. Có người

bảo: Có Sa-môn Đạo Siêu, riêng không hạnh nghiệp gì, chỉ lâu ở nơi chùa Hoa Nghiêm chẳng ra khỏi Sơn Môn hơn 20 năm. Sau khi mạng chung, sinh lên nội viện Di-lặc ở cung trời Đâu Suất. Người trời ấy bảo Đạo Siêu rằng: “Ông ở nhân gian riêng không hạnh nghiệp thù diệu gì, chỉ nương nhờ sức của cảnh giới nơi nhân gian, dẫn dắt bốn bộ khiến nên biết được công đức của Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi, hầu mong tạm lên trong núi ấy mà tiêu trừ các tội chướng dùng làm bù đắp các hạnh khuyết thiếu ở cõi trời”. Đạo Siêu y theo lời đó chẳng xả bỏ quả báo cõi trời mà xuống báo cùng trong nhân gian”. Cô ni Pháp Không tư duy như vậy, Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi có cảnh giới đại nguyện không thể nghĩ bàn, nên sinh tâm hy hữu. Lại tự thoát, hai nghiệp thiện ác do tâm tạo tác”. Bèn phát đại nguyện đến núi Ngũ Đài, chí ý mong cầu Đại Thánh ban nhũ từ tâm tiếp dẫn, mới cùng người em gái cũng xuất gia làm ni chung lập thế nguyện.

Bắt đầu từ năm Nguyên Hòa thứ tư (809) thời Tiền Đường, đến núi đi quanh lễ bái, rảo bước khắp cả năm đảnh đài, trông thấy các thứ hóa hiện. Sau đến trong rừng sâu trước viện Tam Tuyền cách chùa Hoa Nghiêm về phía tây bắc, gặp một người già bảo cùng Pháp Không rằng: “Người nên ở đây tu hành, quyết định sẽ chứng đắc quả vị ưu thắng”. Nói xong bèn ẩn mất”. Pháp Không biết đó là Đại Thánh bảo răn, mới buồn khóc đổ lệ như mưa, lâu sau mới tự hối trách mình nghiệp ác tội chướng, nên phát chí nguyện diệt trừ, bèn y theo nguyện ấy riêng dựng lập thảo am để ở giữa mai ba nghiệp sớm tối chẳng biếng lười. Đến ngày 15 tháng 02 năm Nguyên Hòa thứ tám (813) thời Tiền Đường, Pháp Không mới đem các thứ y vật của tự thân, bảo đệ tử thầy đều xung vào cúng thường trú. Thí cho đại chúng sử dụng. Mới nhóm tập đại chúng cùng giả biệt, có người hỏi về nguyên do. Pháp Không bảo rằng: “Từ khi tôi đến ở đây, được Đại Thánh chỉ bày, dạy trao bốn chữ “Diệu Pháp Liên Hoa”, mở được tri kiến Phật thanh tịnh không nhiễm, được sinh về tịnh độ, đại chúng các người phải nên nỗ lực, không được để luống qua không. Nói xong bèn thị tịch, nhưng vẫn đoan tọa như đang sống. Đại chúng bèn trà tỳ, gom thâu xá-lợi được hơn ngàn viên, bốn chúng cùng phân chia để sung cúng dường.

21. CÁC ĐIỀU LINH DƯỢC CÁC HÀNG TẶNG Ở THỜI NAM TỐNG TRÔNG THẤY

Sa-môn Thích Tịnh Nghiệp vốn dòng họ Mạnh, người huyện Ngũ Đài. Từ thừa bé thơ mà đã tỏ vẻ cứng rắn, thần khí ưu tú khác hẳn đồng

bạn. Năm 13 tuổi, mới đầu tịnh nghiệp đến nương theo Đại sư Thông Ngộ ở viện Chân Dung tôn xưng làm thầy cầu xin xuất gia chăm lo theo hầu thầy đặc biệt khác thường. Từng đến Thái Nguyên hành hóa, sơn môn cúng dường các thứ tự cụ, không gì chẳng đủ đầy. Ngụy Chúa Lưu Thị (?) rất mực tôn sùng kính ngưỡng, ban tặng pháp y sắc tía và thêm hiệu là Quảng Tuệ Đại sư. Đến năm Thiên Hội thứ 11 (?) tặng chúng cầu thỉnh làm “Sơn môn đô giám”. Về sau lại thuộc nơi vua Thái Tông (Triệu Quýnh 976-998) thời Bắc Tống với xe lính đến đánh dẹp bình trị tấn ấp. Tịnh Nghiệp mừng vui gặp được chân chúa, mới dẫn đầu tất cả tăng chúng đến nơi hành cung thỉnh tu thăm hầu, tỏ bày tình thực, bèn dâng “Sơn môn cảnh thắng đồ” và “Ngũ Đài Long Vương Đồ” vua liền trải bày trước ngự tòa. Bỗng nhiên sấm sét nổ vang giữa trời không một mảnh mây mà mưa trút đổ. Vua rất kinh ngạc hỏi: “Đây là điềm lành gì?” Tịnh Nghiệp đáp: “Long Vương ở Ngũ Đài đến hầu bệ hạ, nay hai rồng vừa thấy gặp nhau nên đang vui mừng, mà sấm mưa tuôn đổ như thế”. vua rất vui lòng, liền bảo gan lấy bản đồ và nói với Tịnh Nghiệp rằng: “Đợi trẩm đến ngày trở về nơi kinh đô, riêng thiết bày cúng dường”, và mới ban sắc mạng phục, cải đổi hiệu là “Sùng giáo Đại sư”. Và xếp đặt làm “Đài sơn tăng chánh, ứng với dòng họ Lưu ở Hạp Sơn ban tặng pháp y và danh hiệu quả, tịnh nghiệp, và đều cả nguy cho chân.

Đến hạ tuần tháng tư năm thuận hóa thứ tư (993) thời Bắc Tống, nhân cảm bệnh mà thị tịch, tịnh nghiệp hưởng thọ 59 tuổi, 39 hạ lạc.

Sa-môn Thích Duệ Giác vốn dòng họ Lưu, người xứ Vân Châu. Phong cốt thần tú, vượt hẳn người đời, chí khí xem thường quan vị, tánh tình vui thích chốn suối rừng. Giả từ song thân xuất gia ở Ngũ Đài, nương tựa Đại sư Tăng Thống Kế Ngung ở viện Chân Dung tôn xưng làm thầy. Đến sau khi thầy thị tịch, việc tang hoàn tất, thặng nguyện bên trong dấy khởi muốn tu tạo Phật sự, mới đến phía Đông bắc trong cốc Lô Quán. Ở đó có dòng suối tên là Lộc Tuyền, dựng am cách dòng suối không xa, chuyên trì tụng kinh tinh tấn cần khổ, sớm tối quên cả nhọc mệt. Một ngày nọ, bỗng mộng thấy một người già đến bảo rằng: “Ông không nên riêng tự an lành, đáng nên tu sùng đại sự. Thêm nữa, xứ đất này, ông có nhân duyên rất lớn, tôi rất ngời khen sức lực của ông”. Nói xong, Duệ Giác tỉnh giấc, trong tâm tự suy nghĩ rằng: “Đây hẳn là Thánh hiền cùng khuyến thệ, nên tạo dựng đại già lam tại nơi này”. Ngày nay, Duệ Giác chuẩn bị mọi vật đến phương bắc gieo duyên khuyến hóa. Bắc Triều Ninh Vương cùng phu nhân trước đó có mộng

thấy Duệ Giác đến hóa duyên tu tạo”. Đến lúc Duệ Giác đến nơi đó, thì chỉ một lần thấy gặp y như cũ, đã phù hợp với giấc mộng trước nên Ninh Vương cùng thí vàng lụa. Sau khi trở về lại núi Duệ Giác tìm kiếm thầy thơ để tu tạo. Lại đến Thái Nguyên, ra mắt Ngụy chúa dòng họ Lưu, cũng được cúng thí nông hậu, đặt danh hiệu chùa là “chùa Bạch Lộc”. Đến lúc vua Thái Tông (Triệu Quýnh 976-998) thời Bắc Tống bình trị đất Tấn, Duệ Giác mới đến hành cung xin ra mắt. Vua hỏi nguyên do tạo dựng ở Đài Sơn, Duệ Giác tấu đáp lại xứng hợp ý chỉ nên được đặc ân ban thưởng nông hậu. Sau đó, vua ban sắc biển ngạch, hiệu là “chùa Thái Bình Hưng Quốc”. Duệ Giác được cảm vời, đại khái như vậy. Đến ngày mồng 01 tháng 08 năm Đại Trung Tường Phù thứ nhất (1008) thời Bắc Tống, nhân cảm bệnh mà thị tịch, Duệ Giác hưởng thọ 66 tuổi, 49 hạ lạc. Cảnh tháp đến nay vẫn hiện còn.

Trong khoảng niên hiệu Đại Trung Tường Phù (1008-1017) thời Bắc Tống, có vị Tăng ở Lương Chiếu, đã quên mất tên họ và Châu Quận vốn ở đâu, đến lễ bái Đại Thánh, lên đánh Đông Đài, bỗng thấy một viện, lầu đài tráng lệ, điện vũ trang nghiêm thanh khiết, vị Tăng ấy bèn vào viện, đến cả trước sau viện vũ, trông thấy tôn tượng thiết bày mới đẹp sáng rõ, Thích Phạm Long Vương nghiêm nhiên tương đối, vị Tăng ấy đến tham lễ khắp cùng, thấy gặp vị Tăng chủ sự tiếp đón nói cười uyển nhã như thật, đón tiếp trò chuyện xong, gần ra ngoài viện đi loanh quanh tham quan, mới đầu vị Tăng ấy không kinh lạ. Khi ra rồi mới không còn thấy gì, vị Tăng ấy mới nhận hiểu đó là cảnh hiện hóa, bắt đầu kinh ngạc tán thán đó. Vị Tăng ấy bèn rời khỏi đánh đài cho hướng tây xuống núi, đến dừng nghỉ nơi viện chân dung, xong lại đi tham lễ bái yết, trước sau điện vũ, chư tăng chủ sự, mỗi một đều như chỗ thấy ở Đông Đài, rõ ràng không khác, vị Tăng ấy bái yết cảnh giới Đài Sơn, tán thán việc chẳng thể nghĩ bàn, xong bèn trở về viện tỏ bày cùng chư tăng mọi điều trông thấy, không ai chẳng ngợi khen tán thán.

Trong khoảng niên hiệu Thuần Hóa (990-995) thời Bắc Tống, có vị Tăng ở Dương Châu, quên mất pháp danh, thân mặc vải bố thô sơ, trai giới rất nghiêm cẩn. Từng mang 500 bộ binh bát lớn nhỏ cùng đây, mỗi bộ đủ năm sự vào núi cúng thí khắp cùng, chí thành đánh lễ Đại Thánh, rồi đến dừng nghỉ tại viện chân Dung. Nhân ngày thiết trai phân chia đều đã hoàn tất. Sau đó có thí chủ đến thiết bày nhà tắm nơi thất viện nhà tắm phía Bắc, cầu thỉnh chư vị hiền Thánh ở Hạp Sơn, dưới đến các hàng tăng tục, không phân biệt chọn lựa một nước. Sau khi trai hội hoàn tất, vị Tăng ấy đến nơi nhà tắm ấm nóng, có 03-05 vị Tăng

cùng đến tắm rửa, đã đến nơi nhà tắm. Vị Tăng ở Dương Châu ấy thô mắt cởi bỏ y phục trước, vén cửa rèm mà vào, bỗng thấy một người nữ đoan chánh còn đang tắm rửa. Vị Tăng ấy khốn đốn mà ra, chư tăng dò hỏi nguyên do. Vị Tăng ấy tỏ bày việc vừa thấy gặp, có người không tin, vào phòng tắm để kiểm nghiệm, quả nhiên không trông thấy gì.

Trong khoảng niên hiệu Chí Đạo (995-998) thời Bắc Tống, có Sa môn Đạo Hải vốn dòng họ Dương, người đất Đại Quận, đến thọ học tại viện Chân Dung, cũng gặp có thí chủ đến thiết bày nhà tắm, sau khi trai xong, bèn tự đến nơi nhà tắm, còn chưa một vị Tăng nào vào viện tắm rửa. Đạo Hải cởi nó mà vào, bỗng thấy chư tăng tắm rửa đông nhiều cả phòng, tựa như không biết, nên vừa thấy Đạo Hải vào, bèn đồng một lúc đi ra. Trong tâm Đạo Hải tuy nghi ngờ nhưng chưa lường biết đó là Thánh hay phàm, bèn ra mà dò xem, vắng teo không một người vậy.

Kể biên ghi về cao đức, Diên Nhất tôi có ý cho rằng: “Phàm thí chủ thiết lập nhà tắm, hẳn dự định cúng dường Thánh hiền sau mới là hàng phàm thứ, lúc sáng sớm là Thánh hiền đến, nên phàm thứ cẩn trọng chờ đến trước. Nếu đến tức xúc phạm Thánh hiền, tự chuốc lấy lỗi quá. Thêm nữa đó tức là phá diệt phước người cúng thí, nhọc thiết bày khó khổ. Đó cũng là lời của Thánh nhân dạy răn cảnh tỉnh, phàm trăm quân tử há được không nghĩ nhờ ư?”

Tại quán tiệm Hoa Nghiêm, xưa trước có một người đi săn tên là Mã Thu Nhi, gia đình vốn nghèo khổ nên duyên việc giết bắn muôn sinh để tự sống. Từng đến Đông Đài. Cách Đông Đài về phía Đông hơn mười dặm, có nền móng của một ngôi chùa cổ. Người đời tương truyền đó là chùa cổ Hoa Nghiêm, Mã Thu Nhi đến đó thấy một tảng đá lớn bằng phẳng như mặt bàn, từ phía dưới có ánh sáng, trong tâm rất nghi ngờ, mới gọi vài người cùng đất đá lên xem, chợt thấy vài mươi bộ kinh Phật, bèn lấy một quyển mở ra trông xem, chữ đều vàng ròng sáng lóa cả mắt. Đồng bạn của Mã Thu Nhi đều là kẻ ngu dốt ở sơn dã nên không lấy gì làm lạ. Sau khi trở về, có người truyền đạt đến Tăng Khoan chủ viện Chân Dung. Nghe vậy, Tăng Khoan mừng sợ khác thường, vội gọi môn nhân đệ tử khoảng 05- 07 người mang theo các thứ cúng cụ đi đến tìm cầu. Đã đến nơi chỗ đó, trọn không trông thấy gì, chỉ là nền móng cũ kỹ, ngói gạch đổ nát mà thôi, bụi ngùi giầy lâu, bèn đốt hương than thở mà trở về.

Ở huyện Đường Lâm, Đại Quận xưa kia có một người nữ, suốt ba mươi lăm năm chẳng rời khỏi thành ấp, mọi người xưng gọi là cô. Cô là Cô ni tóc dài đồng hạnh đầu đà, vật lớn thẳng chứa, chỉ mặc áo đơn che

thân, mùa đông rét giá, mùa hạ nắng nóng chẳng lấy làm khổ. Phường chợ đường hẻm theo nơi mà ngủ, mọi người lo lắng thật chẳng thể nghĩ lường. Tại núi Ngũ Đài có 120 chùa chiền, không đâu chẳng từng qua. Nhân mùa hạ vân du đến đài, thì đến nơi người thấy đồng đi cùng nói, ngồi nơi gò hoang, chê trách hủy bỏ tục trần, ghét chán sắc dục. Về sau không biết đi về đâu. Nên trong truyện Bồ-tát Bù-lũ-bàn-đậu ở Tây Vực nói: “Tại thế giới này có một ức vị Bồ-tát, trú trì đi lại giáo hóa mọi vật, nói bày chẳng hư dối”. Truyện trước đã từng nói “Thánh phàm ở lẫn lộn” có thể không tin ư? Về sau có người đến cảnh đó, bỗng thấy người ấy, thận trọng chớ khinh mạn, răn dè thay!

Sa-môn Thích Đạo Diễn vốn dòng họ Thôi, người xứ Định Tương, Hân Châu. Vừa mới vài tuổi đã xuất gia, nương tựa Đại sư Pháp Nhãn ở viện Chân Dung xin làm đệ tử. Từng trì tụng kinh Pháp Hoa, Khổng Tước, Kim Cang Bát nhã v. v... lấy làm việc thường. Đạo Diễn vốn có chứng bệnh Tức Bí, kết hôn như đá. Mỗi lúc phát động, đau không nhẫn nổi, qua thời gian lâu mà không thể cứu chữa, bỗng thấy một người phụ nữ mặc áo xanh đến đứng trước giường nằm, hỏi về nguyên do chứng bệnh. Đạo Diễn như thật mà trình bày, người phụ nữ ấy mới đưa tay xúc chạm vào hòn ấy mà bảo: “Sư muốn lành khỏi chẳng?” Đạo Diễn đáp: “Nếu được thì rất hợp với ước muốn”. Liên dùng vật như sợi tơ buộc thắc hòn ấy mà nhổ đi, lâu sau chứng bệnh lành hẳn. Đạo Diễn mới muốn dậy để cảm tạ, người phụ nữ ấy chợt nhiên ẩn mất. Đạo Diễn mới muốn dậy để cảm tạ, người phụ nữ ấy chợt nhiên ẩn mất. Đạo Diễn kể nói cùng chư tăng ở gần, chư tăng đều đánh lễ. Mỗi lúc nghĩ nhớ đó, Đạo Diễn chưa từng chẳng cảm tán thán sức lực của Thánh hiền cứu hộ. Về sau mỗi ngày càng khỏe mạnh, đến năm 85 tuổi, Đạo Diễn mới thị tịch.

22. CÂY LŨY LINH DI

Từ chùa Hoa Nghiêm về phía Đông bắc có cốc Lâu Quán, trong cốc ấy có cửa cốc hang Kim Cang, xưa trước tương truyền có lũy phụng thê. Tiếp về phía tây, có lũy thập nhị nhân duyên, gần với lũy phụng thê ở bên cạnh hang Kim Cang, có một thân cây xoay ra 12 cành cao hơn trăm thước, xưa kia có cổ đức đến nơi dưới lũy tu quán pháp Thập nhị nhân duyên, bèn lấy đó mà gọi tên. Vào trong cốc cách một vài dặm, có ao bạch thủy sắc màu như tô lặc, mùi vị tợ cam lồ, người uống nước ấy da dẻ đượm nhuần, như nếu thường uống thì khiến người khó già. Ở phía tây của Đông Đài có văn bia của Vương tử tạo luận, văn tự

hiện còn, lại có văn bia ghi về Tư Không đô đốc thấy gặp Phật. Người đến đó tức biết vậy, vì đến nay thời gian đã lâu xa bị hư hỏng chẳng thấy gì, thật đáng tiếc thay.

Bên cạnh Hoàn Hà phía Đông chùa Hoa Nghiêm có một lũy tưng, thân từng lá bách, giăng cành đến đất, phía trên cao vút tận mây. Xưa trước tương truyền gọi đó là Lũy Tứ Đế, cành lá rũ bốn phía khắp vườn đều râm mát. Có tượng Minh Đường, tám lửa song bốn cửa nách, chính giữa có một cái dầm chống lên có cả trăm lớp, trên tròn dưới vuông, có thể gọi là kỳ dị, mưa tuyết không thấu, gió và ánh mặt nhật chẳng xuyên qua, mọi người đi tuần đài đều đến dưới lũy, có thể dung chứa cả vài trăm người. Từng có vị Tăng đến dừng ở dưới lũy ấy vì mọi người mà tuyên giảng pháp Tứ Chân Đế, người ngộ nhập được đông nhiều. Khi ấy có đàn chim bay lại dừng đậu nơi đó, bay liệng trên dưới thời gian lâu mà chẳng đi, vị Tăng ấy bảo: “Chim đây như xưa kia Đức Phật đến nơi lũy có chim oanh vũ đến trước Phật nghe hiểu pháp Tứ Đế mà được sinh lên cõi trời, đây cũng ứng vậy”. Nhân đó mà gọi là lũy Tứ Đế. Chim muôn điềm linh bay liệng đến nường đậu dừng nghỉ qua đêm. Lũy đã linh dị, vị Tăng ấy cũng phi phạm.

23. CÁC BÀI TỤNG TÁN XƯA NAY VỀ ĐẠI THÁNH VĂN THÙ SƯ LỢI.

- Tán thán tôn tượng Đại Thánh Văn-thù và lời tựa

Chí Đạo Lâm ở thời nhà Tấn soạn thuật, Văn-thù-sư-lợi là vị Bồ-tát du phương. Nhân lời khó đó mà có chỗ nhìn đó, chẳng phải chỗ khuyết hiệu trước vậy. Nguyên phạm xưng gọi đó là sinh cái, Chí Đạo dấy khởi xa với đó. Cớ sao? Tánh rỗng dẫn rõ bày ở đức nhân đối đời, thì cảm dạy răn nơi đời dấy khổ. Nên nói Nho đầu tiên lấy Pháp Vương Tử làm tên vậy. Phạm muốn thấu cùng sâu thẳm ấy hẳn còn ở nơi sâu rộng, trọn xưa xa với. Đâu phải chỗ ngôn tượng kịp đến, kiếp số khó tính, công cao như bụi trần chất chứa dần đặc rộng xa vậy. Có thể gọi là các lời lược nói bao gồm, như người lúc mới sinh, bèn tự để trụ, tôn xưng hiệu là pháp vương, tâm của vô thượng, muôn triệu mà riêng tỏ ngộ. Cảm từ trong phát không đâu chẳng do, gần một gặp chánh giác mà linh khác trong ánh ngời. Cảnh huyền chưa đổi đời, bèn vượt phát đạo vị. Từ đó, rễ sâu trọn bầu nơi đất tốt, canh lạ thần kha mà nguyệt mậu, khí của từ bi cùng gió tuệ cùng quạt thổi. Sáng của Tam Đạt cùng với Nhật Nguyệt đồng tỏa phát. Đủ thể mà nhỏ nhiệm bền chắc đã công phu kiện thành pháp thân vậy, như là cơ trời sắp chuyển vận tức thần

thông làm quán vũ, viên ứng ngấm hợp, dùng không vết tích làm ảnh vết. Do đó, động mà chẳng lia tịch. Mà càng mở rộng cả vũ trụ. Chợt cảnh chẳng thường, mà danh trùm cả mọi người du phương vậy. Đức Thế Tôn xuất hiện nơi đời trao vết bước tiến tới tổ đáng, hiển bày đức ngấm ở rừng hương. Nhân mây lành ẩn bóng trời tây, lại thấy rồng ở cõi này vậy. Xe pháp đã chuyển xoay thì Huyền Âm thường xuyên, đối vực sáng sâu cùng, liền thỏa lời pháp sâu. Đạo ánh ngài khai sĩ nên chư Phật tôn xưng tốt lành. Thế dứt tuyệt trần tục, bậc sáng ngài cao dấu vết, chẳng phải trời hợp trời hòa để dẫn dắt vận, hợp xung khí mà làm thành linh, duỗi khí trọng để xoay che râm, nhả đức âm mà lưu vọng hưởng, thì ai có thể cùng được như vậy ư? Lúc muốn lay qua tánh quần sinh, gá Huyền Tông mà riêng đến chẳng nói phong hóa của Văn-thù, thì chưa phải lượng thấu đạt vô cùng, dưới dài nơi phương lớn nhanh chóng vậy. Từ khi Đức Thế Tôn nhập Niết-bàn đến nay gần cả ngàn năm, lưu tỏa ánh sáng phước che râm lại cùng thời mà lên xuống. Do đó thâm nghĩ nhớ tông cực được cảm, buồn thương nguồn tang của sông dài, sợ mặt nhật phong hóa ngấm mất bèn cùng bày biểu lớn, dùng kim thạch làm tôn dung, tiếp dùng văn tụng, người nghĩ tự hết, ngõ hầu mây móc thêm đượm nhuần. Chỗ nay đây được gặp, tức do gần trăm năm đây có Chuyển Luân Vương, vua cõi Diêm Phù Đề hiệu là A-dục, kính ngưỡng lên nhìn dấu vết còn lưu lại, phỏng định mà làm tượng. Tuy chân tế chẳng còn nơi hình, mà linh dị như được có chủ. Tuy chốn u tuy chẳng dùng tình mà tìm cầu, mà cảm đến ứng đó. Khác lạ của thần biến, từng liên can đến muôn dân được nghe. Nhân đều ngộ thời, tin có tự lại, ý cho là tiếp vận suy đồi, nhưng thật do công của Minh Duy, tục của thông thiên mờ tối chẳng, gá tướng đến hiền, chỉ thật thừa gởi nương, dây tơ chủ chốt sắp dứt giềng mối, dẫn mây tâm mà nêu vị, mới xa phỏng theo thợ tốt lành. Tượng là tượng của trời, cảm đến tự phô bày, bất chợt mừng vui, đồng ca vịnh vì đó mà tán thán rằng:

Nho nhỏ Đồng Châu, bé thơ mở phát, ngấm anh nhả tú, lên huyền giảm phong, Đạo Vương làm thân, xung thông làm thể, du phương hoàng hóa, mới khuôn vết cao, tỏa sáng lưu ngài bèn đến xứ đây, nghĩ đối khéo sâu, lắng một chỉ cung, áo linh thôi thay, ngõ hầu rơi lạc cõi trần.

- Tán thán Văn-thù-sư-lợi:

Đồng Châu lãnh đạt Huyền, Linh Hóa thật lo dài, xưa làm Phật Long Chứng, nay lưỡng mộng du phương, hoảng hốt cưới sống thân, cao bước quê Duy Ma, đất chất Hy Di này, ánh ngài nhà trống rỗng, xúc

loại dấy gặp trong, mắt nhìn suốt liền quên, Phạm Thích kính mừng gặp, nhàn nhã nạp lưu phương.

- Tán thán tôn trượng Đại Thánh Văn-thù-sư-lợi

Ân Tấn an soạn thuật.

Văn-thù thấu suốt, thức ngồi quyết tiếng, tham huyền phát sáng, lên đạo nghĩ anh, Lang Da tam đạt, như sáng mặt nhật, gắng gỏi thần thông, ở biển hình ấy, sắp mở hàng sa, đào luyện quần sinh, Chân Phong mờ mịt, ngàn năm càng linh, nghĩ về Triết Tông, hiểu lời chỉ thật, tuyệt mừng riêng nghĩ, cầu tưởng thái minh.

- Tán thán Đại Thánh Văn-thù-sư-lợi.

Bí thư thừa khích tế xuyên soạn thuật.

Đức Thế Tôn xuất hiện nơi đời, giảng nói pháp độ người, Đại Thánh Văn-thù, hiện thân Bồ-tát, Phật chẳng cùng hóa, giúp đạo Năng Nhân, Kim Khẩu tuyên lời, chứng hiệu tiếng xưa, Long chủng thượng tôn, Ma ni bảo tích, khắp hóa sắc thân, tương lai sẽ được, song lâm ẩn bóng, các Thánh ngấm mờ, đại đạo sư ta, ẩn giá Thanh Lương, đủ năm trăm tiên, giảng đạo làm thường. Ba lợi xa đến, Vô Trước mong thấy, hoặc trao mật ngữ, hoặc thấy thần biến, vì độ hữu tình, chẳng bỏ phương tiện, ta từng cứng dưỡng nay lại gần nương, chiêm ngưỡng tôn trượng, như thấy ánh linh, duyên trần chưa dứt, thiện niệm quay về. Ta đối kim dung, sẽ phát đại nguyện, vận tâm Bồ-đề rộng độ tất cả, gần hầu cát tường, ước đời vạn kiếp.

- Tiếp tục còn lại.

Tiền Đại Châu quán nội tăng chánh thắng hạnh Đại Đức Sa-môn minh sùng soạn thuật.

Tại An Châu, có người dòng họ Trương là người thuần hậu, sùng tín Tam bảo. Năm Giáp Tý (1084) thuộc trong niên hiệu Nguyên Phong (1078-1086) thời Bắc Tống, đi đến núi Ngũ Đài đem trăm vạn tiền phụng cúng, Đại Thánh Văn-thù-sư-lợi, mỗi ngày ba thời đến mở điện, đốt hương dâng trà quả quý, tâm ý dung mạo trang nghiêm thành kính. Người giữ điện, do sự thành khẩn ấy nên chẳng phải lao nhọc. Một ngày nọ đi khắp các đài, đến trên đỉnh Tây Đài, lần lượt đốt hương, bỗng nhiên nghe có mùi hương thơm khác lạ, giây lâu mà chẳng ai lường biết. Thế rồi, ngửa mặt trông nhìn giữa hư không, mới thấy hoa trời có trăm ngàn vạn đóa, xanh vàng đỏ tía các hình thể đều đủ, lẫn lộn rơi xuống vừa mới ngang đầu người. Có cả trăm người trông thấy mọi người muốn hứng nhặt lấy, hoa đó liền vọt bay lên. Có một đóa hoa riêng rơi trên tay của người họ Trương ấy, hình trạng sắc màu không thể nói tả. Đến

chiều trở về lại nơi viện Chân Dung, các hàng tăng tục đều trông xem ngời khen chưa từng có. Vị Tăng chủ sự khẩn thiết cầu xin cúng dường trước Bồ-tát, người họ Trương ấy bảo: “Bồ-tát trao cho tôi, mà trái lại tôi lưu để đây tức tối làm ngược ý ban cho của Bồ-tát, huống gì là cỏ tiên đà Thánh ư?” Vị Tăng chủ sự cũng không dám đoạt ngang ý chí đó, sáng sớm hôm sau xuống núi, người họ Trương ấy tự thân bung đóa hoa đó, và luôn còn ánh sáng vòng tròn rộng cả trượng hiện theo thân, mọi người cùng theo đưa cách xa vài mươi dặm, chẳng thể bỏ rơi, ngời khen than thở mà trở về...

Ở phòng chợ Đức Châu có Vương Tị gia đình rất giàu có, tháng năm năm Canh ngọ (1090) thuộc niên hiệu Nguyên Hựu (1086-1094) thời Bắc Tống, Vương Tị dẫn vợ cùng tôi tớ đi đến Đài Sơn, chiều tối dừng nghỉ qua đêm tại viện Chân Dung. Ngày hôm sau đội mũ chỉnh trang y phục đến nơi tôn tượng Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi, thế rồi chiều tối chỉ thấy bụi trần, nên có tỏ vẻ bất kính mở lời, đến nơi quán. Sa-môn Tỉnh Ngạn đang là Tri Khách đến hỏi chào, cùng Vương Tị trò chuyện mà nói rằng: “Sơn tăng ở đây hơn 40 năm đã đối tiếp lắm nhiều người, ngày nay ông đến lễ bái yết, tựa như mới đầu kính cẩn mà sau thì biếng lười, lại thêm tỏ vẻ không vui ấy tại vì sao?” Vương Tị tức giận nói: “Tôi đến nơi đây thật vượt quá mọi điều nghe, nghĩa là có Bồ-tát nhục thân, nên chẳng ngại xa xôi ngàn dặm mà đến, nay trông thấy chỉ là đồng bùn đất thôi vậy, trái ngược nghĩ tưởng nhọc nhằn leo vượt, sao chẳng là khổ”. Tỉnh Ngạn bảo: “Cớ sao nói vậy ư? Xưa kia Đại Thánh ở nơi Đài thứ này, từng thấy điềm tướng tốt lành. An sinh tự thân đắp họa, trong ý có điều nghi ngờ, mong cầu mà lại hiện trước sau bảy mươi hai lần, nên vua Duệ Tông (Lý Đán 710-712) thời Tiền Đường lấy chữ Chân Dung mà đặt biển ngạch của viện, Ông sao nói khác vậy?, núi này rộng thân gìn giữ, nếu như tức giận, thì thân ông không có đất để chôn vùi”. Vương Tị nói: “Há chỉ một rộng mà có thể hại ta được ư?” Tỉnh Ngạn bảo: “Ông vừa mới đến đây mà khinh thường dung mạo Thánh tượng, dèm chê rộng thân, tôi sợ rằng họa sinh chẳng thể lường. Ông đáng nên chóng sám hối lỗi quá, nếu không như vậy thì thân ông bị nát dưới nanh vuốt của rồng thần”. Vương Tị không kinh sợ sửa đổi, ba ngày sau đi đến Đông Đài cùng hơn trăm người, dừng nghỉ qua đêm nơi nhà Hiện Hóa tại đỉnh đài, vừa tới nửa đêm, sấm sét bỗng nhiên phát nổi, như trời nứt đất vỡ, tường nhà đã làm thành hang hổng, lửa dữ theo vào, chốc lát trong hang lửa lại trào ra, thân của Vương Tị đã vỡ nát vậy. Có lẽ đó là Hiếu Tôn mượn một kiện áo gấm của nhà chùa để

ngăn cản lạnh, áo trong ngoài đều bị thiêu cháy hết, chỉ có vật mượn của chùa ở khoảng giữa hiện còn, vợ và kẻ tớ của Vương Tại bị lửa thiêu đốt lòi bày xương cốt mà xuống núi, mọi người nghe nói việc ấy không ai chẳng kinh dị. Cũng đêm hôm đó, có cô Ni Hải Tuấn ở Thương Châu, đồng nghỉ qua đêm tại nhà Hóa Hiện, lúc trời đã xế tối, bỗng có một người già bảo rằng: “Nhà tôi ở cách đây không xa, xin thỉnh mời sư để được một lần phỏng hỏi, và xin dâng cúng cháo bữa sáng”. Cô ni Hải Tuấn liền chấp thuận, đồng đến nơi một thạch động, người già ấy bèn ẩn mất. Sáng sớm hôm sau trở về lại nơi nhà Hóa Hiện, biết Vương Tại nhận chịu tai họa, mà Cô ni Hải Tuấn được thoát khỏi rất mực kinh sợ, cuối cùng tìm hiểu biết được nơi thạch thất ẩn ngụ qua đêm đó tức là động Na-la-diên.

Sa-môn Thích Tuệ Thông người xứ Nghi Châu là bậc thượng thư trong chúng tăng, xưa trước mùa hạ năm Chính Hòa thứ nhất (1111) thời Bắc Tống, cùng các hàng tăng tục cả ngàn người đồng đến Đài Sơn. Sa-môn tăng chánh Thông Nghĩa đại đức Minh Uẩn ngày nay ở lúc bấy giờ đang sung làm tri khách, nói cùng Tuệ Thông rằng: “Ở núi Phạm Tiên có 05 con rồng có lúc lại xuất hiện có thể trông thấy”. Nhân đó, Tuệ Thông cùng vài ba người đệ tử đồng đi đến núi, lại gặp người đồng chí y, bèn hỏi người đó rằng: “Núi có rồng thần, ông có thấy chăng?” Người ấy đáp: “Có thấy”. Tuệ Thông hỏi: “Hình trạng như thế nào?”. “Như rắn” - Người ấy đáp. Tuệ Thông bảo: “Ngay như rồng thật vẫn còn thuộc loại súc vật, huống gì trần rắn ư? Mới trở về lại nơi phòng nhà dừng nghỉ. Chỉ khoảnh khắc, Tuệ Thông cảm giác nơi eo bụng có vật như rắn mà có thêm sừng vuốt dần buộc eo bụng thắt chặt, đau không thể nhẫn nổi, vừa dậy liền ngã xuống vài phen. Người đồng chí y kia chạy đến bấu cùng vị Tăng chủ sự thuật bày về sự việc ấy. Tuệ Thông cũng sai bảo người đến thưa cùng vị Tăng chủ sự, xin cầu cứu rằng: “Tôi vì khinh mạn xem thường rồng thần nên mắc tội, nghe trong núi có Bồ-tát Hy, xin nên vì tôi mà sám hối tội quá”. Gặp lúc Hy Công theo Tào sứ Trần Công biết còn đến chùa Hưng Quốc, vị Tăng chủ sự cũng kinh sợ chẳng nghĩ lường, đến báo cũng chủ điện Bồ-tát là Đại sư Hồng Biện Ôn Trình tác pháp sám hối, Tuệ Thông xả hết y bát để sám hối lỗi quá, qua thời gian ngắn cơn đau chấm dứt, Trần Công nghe thế cũng cùng thán dị.

Thư sinh Lý Thăng vốn người lòng Tướng Như tại Trung Sơn, xưa kia cùng Hữu Thừa Vương Công An trung đồng là bạn bút nghiên. Có

người con là Chân Hy tức tu tạo công đức chủ ở chùa Đại Hoa Nghiêm. Đại Châu thú Vương Tẩy từ Trung Sơn mời đến, bảo con cháu đều theo đó học. Năm Khánh Hòa thứ nhất (1111) thời Bắc Tống đi đến núi cùng các sĩ đại phu ở đương thời lại yên vui. Một ngày nọ đến chùa, Vương Thiên Dân đô tuần Trần Khứ bắt trận phục biến, mới bảo tiên sinh đến núi Phạm Tiên, tới hang phía Đông cầu đảo dưới đền thờ rồng thần, khoảnh khắc sau có hai con rồng xuất hiện nơi đá một con sắc màu vàng ròng, một con sắc màu xanh biếc. Các công đốt hương thiết lễ kính bái, dùng hốt mà vờ lại, con rồng sắc màu vàng ròng men theo hốt mà lên đến nơi sâu xa, như có sự nghe người, mọi người trong ý lại càng tinh tấn, riêng tiên sinh dùng gậy mê xúc chạm đó và bảo rằng: “Đây là rắn lạ vật quái, đâu có gì đáng lấy làm quý ư?” Nói chưa xong, có vật như thần đánh ngã tiên sinh nơi đất, mọi người đều rất kinh sợ, chốc lát lại ném xuống hang cao sâu vài trăm thước, tiên sinh đã chết, người con là Chân Hy ấy dùng lễ mà an táng. Đêm đó mưa bão dữ dội, sấm sét mịt mờ, thầy của tiên sinh lại bị bão thổi bày ra ngoài nhân đó lửa đốt hỏa táng vậy.

Động Na-la-diên ở bên cạnh phía Đông của Đông Đài, cửa động xoay về phía Đông sâu hơn vài trượng, quanh eo hiểm trở chập hẹp như cái dấu lớn. Những người tham lễ đến đó đã không thể tiến vào thường luôn chỉ đưa tay sờ mó, hoặc cầm đuốc soi rọi, chỉ một cái hang chỉ về phía tây bắc hơi hướng lên nhưng sâu chẳng thể lường, có lúc gió lạnh tấp phẩy vào mặt. Tương truyền rằng: “Động ấy cùng hang Kim Cang đều là nơi vườn nhà của Đại Thánh.

Ngày 23 tháng 05 năm Tuyên Hòa thứ 08 (1126) thời Bắc Tống, có vị Tăng ở Thiệu Võ, quên mất tên họ, cùng Sa-môn Tây Tân đồng đến Đài Sơn, dừng nghỉ tại viện Chân Dung chiêm lễ chân tượng. Một ngày nọ lên đỉnh Đông Đài, gặp Triệu Công Khương Bạc ở Đại Quận cùng các quan đồ tuần kiểm huân hương v. v... và Sa-môn Từ Hóa, Đại sư Chân Hy là các bậc thượng thư ở Sơn Môn có hơn trăm người đồng đến cầu hiện cảnh quang, thế rồi đến động ấy. Triệu Công v. v... vào trông xem khắp cùng, chỉ có vị Tăng ở Thiệu Võ đứng chờ đợi ngoài động có một vị quan đùa cười bảo rằng: “Cớ sao sư không vào, vào trong đó thì không ngại gì vậy”. Vị Tăng ấy mới vái chào Triệu Công, Sa-môn Từ Hóa, Tông Tân v. v... mà nói: “Trân trọng, trân trọng!” Bèn rãi bước tiến tới vào nơi hiểm trở chập hẹp thì vén áo còng lưng mà vào, không ngăn ngại gì như đi giữa nhà trống, mọi người đều kinh ngạc, kêu réo mà thôi, chẳng lường biết nguyên do thế nào. Sa-môn Tông Tân gọi

kêu vào nhau, vẫn mịt mờ không tiếng tăm dấu vết, qua thời gian lâu mà không trở ra. Sa-môn Tông Tân bảo mọi người rằng: “Tôi cùng vị Tăng ấy đồng đi đã vài tuần, mà trọn không biết đó là bậc Thánh hiền. Nhân đó, gạo khóc tự oán trách mình, mọi người cũng buồn khóc đổ lệ, Triệu Công tìm cầu di vật của dị tăng ấy, Tông Tân chỉ cho có được cây gậy, chiếc nón và vài cái bánh nướng. Sau đó, có quan tạm Bình Ẩi là Trương Trọng Cổ làm thơ ngợi ca, trình bày với Triệu Công rằng: “Tăng ở phương Nam xa đến lễ bái núi Ngũ Đài, vào động Na la không ra lạc, từ xưa Triệu Công truyền phát tử, nay lưu gậy nón ở nhân gian”. Bia khắc bài thơ ấy đến nay vẫn hiện còn, chiếc nón cũng đang còn. Ôi! Mới tin cảnh giới Thanh Lương, hay có rắc lẩn lộn vết, Thánh phàm đồng ở, chẳng hư dối vậy.

Đại sư Từ Động ở Sóc Châu, chưa rõ biết thọ nghiệp tôn hạ là gì, mà đạo hạnh và sự hiểu biết sâu rộng, mọi người xa gần đều khâm trọng kính phục. Cuối năm Nhâm Tý (1132) thuộc trong niên hiệu Thiên Hội (1132-1135) thời nhà Kim, lại đến Đài Sơn, cùng các đệ tử như Pháp sư tử v. v... có hơn trăm người đồng dừng nghỉ tại viện chân dung. Pháp sư Sử cũng là người thuần hậu. Một ngày nọ đến chùa Đại Hoa Nghiêm, bỗng thấy bên cạnh chùa có mây lành từ phương đông bay lại, năm sắc đều đầy đủ. Lại, trong mây đó, Đại Thánh Văn-thù-sư-lợi ứng hiện ngồi nơi tòa sen đặt trên mình sư tử, Đồng tử Thiện tài dẫn bước, vua nước Ưu Điền, Ưu-ba-ly cùng theo sau, và có cả Long Mẫu, năm vị Long vương, nắm ngọc khuê mà châu. Ngoài ra, mũ cao đai lớn, phục tướng kỳ lạ ngàn muôn trạng thái, mà hay biết hết Đại Thánh máy mắt xin tay áo vải lay vẫy. Đệ tử không nghe tiếng Thánh ấy nói, quanh co theo hưởng tây mà đi. Có hơn ngàn người cùng trông thấy, bốn chúng đều vui mừng, ngợi khen chưa từng có. Ngay thời gian ấy, viện Chân Dung gặp hội lục có thừa mới muốn phục hưng lại, do điềm lành đó, nên Đoàn tín bốn phương đua nhau kéo đến, mọi người thí tài thí sức chỉ sợ đến sau, Đại Diện viện Chân Dung không mấy ngày mà hoàn thành, hết thấy đều hiện đất hiện thân chẳng nhọc thiết bày.

Sa-môn Vĩnh Châu, người xứ Dương kỳ đất tấn, vốn dòng họ Vương, khoảng cuối niên hiệu Thiên Quyển (1141) thời nhà Kim, đi đến Ngũ Đài tham lễ Thánh tích, dừng nghỉ nơi viện Chân Dung, ngưỡng mộ cảnh Thánh, thời gian lâu quên trở về. Một ngày nọ chúng nhóm tụ hái rau, bỗng nhiên thấy mọi người vận mặc y phục đều là sắc màu vàng ròng. Bất chợt thần ý tâm tình kinh hãi, Vĩnh Châu muốn nói đó, nhưng sợ mọi người nghi ngờ quá lạ nên chỉ tự mừng vui mới tỏ ngộ chúng ở

Đài Sơn, đều là quyển thuộc Bồ-tát, người trong thế giới kim sắc vậy. Về sau, nghe Đại sư Trường Hưng là bậc dùng mắt thiên nhãn dẫn bay đến trong mây, Vĩnh Châu mới tìm đến nơi pháp tịnh độ, bày lễ thầy trò, quả nhiên không chỗ được. Nhân đại chúng thỉnh mời, mới nói đến các sự tích được thấy ở Đài Sơn, Sa-môn Phổ An ở chùa Viên Quả hay hiểu rõ việc ấy vậy.

QUẢNG THANH LƯƠNG TRUYỆN QUYỂN HẠ
(HẾT)

